

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Hoài Thương

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Phạm Thị Hoài Thương

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Hoài Thương Mã SV: 1513401002
Lớp: QTL901K Ngành: Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh
doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thông tư 200/2014/TT-BTC
 - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị thực tập.
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ Sử dụng số liệu, tài liệu phục vụ công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Hòa Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1:MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP. 2	
1.1. Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC	2
1.1.1. Khái niệm báo cáo tài chính và sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế.....	2
1.1.1.1. Khái niệm Báo cáo tài chính	2
1.1.1.2. Sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế	2
1.1.2. Mục đích của Báo cáo tài chính	3
1.1.3. Đối tượng áp dụng Báo cáo tài chính theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ..	4
1.1.4. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính	5
1.1.4.1. Nguyên tắc hoạt động liên tục.....	5
1.1.4.2. Nguyên tắc cơ sở dồn tích.....	5
1.1.4.3. Nguyên tắc nhất quán.....	6
1.1.4.4. Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp	6
1.1.4.5. Nguyên tắc bù trừ.....	6
1.1.4.6. Nguyên tắc có thể so sánh.....	6
1.1.5. Yêu cầu đối với thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính.....	6
1.1.6. Hệ thống Báo cáo tài chính theo thông tư số 200/2014/TT-BTC.....	7
1.1.6.1. Hệ thống Báo cáo tài chính	7
1.1.6.2. Kỳ lập Báo cáo tài chính	8
1.1.6.3. Thời hạn nộp Báo cáo tài chính	9
1.1.6.4. Nơi nhận Báo cáo tài chính.....	10
1.2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO THÔNG TƯ 200/2014/TT-BTC.....	10
1.2.1. Khái niệm, nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	10
1.2.1.1. Khái niệm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
1.2.1.2. Nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh....	10
1.2.2. Cơ sở lập và trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.	12

1.2.2.1. Cơ sở lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	12
1.2.2.2. Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
1.2.3. Nội dung và phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
1.3. PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	17
1.3.1. Mục đích, ý nghĩa của phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	17
1.3.1.1. Khái niệm phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	17
1.3.1.2. Mục đích và ý nghĩa của phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	17
1.3.2. Các phương pháp phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	18
1.3.2.1. Phương pháp so sánh.....	18
1.3.2.2. Phương pháp phân tích tỷ lệ.....	19
1.3.2.3. Phương pháp cân đối.....	20
1.3.3. Nội dung phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	20
1.3.3.1. Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo chiều ngang.....	20
1.3.3.2. Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo chiều dọc.....	21
1.3.3.3. Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các tỷ số phản ánh khả năng sinh lời.....	22
CHƯƠNG 2: THỰC TẾ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG.....	25
2.1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG	25
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng	25
2.1.1.1. Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng	25
2.1.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng	26
2.1.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng	26
2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng	27
2.1.3. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng	29

2.1.3.1. Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng	29
2.1.3.2. Hình thức ghi sổ kế toán và các chính sách, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	30
2.2. THỰC TẾ CÔNG TÁC LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG.	32
2.2.1. Căn cứ lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.	32
2.2.2.Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.	32
2.2.2.1. Quy trình lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.....	32
2.2.2.2. Nội dung lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.	33
2.3. THỰC TẾ CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG.	49
CHƯƠNG 3:MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG	50
3.1. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG	50
3.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NÓI CHUNG VÀ CÔNG TÁC LẬP, PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NÓI RIÊNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG.....	51
3.2.1. Ưu điểm về công tác kế toán nói chung và công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng	51
3.2.2. Hạn chế về công tác kế toán nói chung và công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng	52

3.3. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG	53
3.3.1. Ý kiến thứ nhất: Công ty nên nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán	53
3.3.2. Ý kiến thứ hai: Công ty nên tiến hành phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	54
3.3.2.1. Xây dựng quy trình phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh...	54
3.3.2.2. Tiến hành phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	55
3.3.3. Ý kiến thứ ba: Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán máy trong công tác hạch toán kế toán	62
KẾT LUẬN	68
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	69

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	11
Bảng 1.2 : Bảng phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang.....	21
Bảng 1.3 : Bảng phân tích BCKQHĐKD theo chiều dọc.....	22
Bảng 1.4: Bảng phân tích tỷ suất sinh lời	24
Bảng 3.1 : Phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang.....	56
Bảng 3.2 : Phân tích BCKQHĐKD theo chiều dọc.....	59
Bảng 3.3: Bảng phân tích các tỷ suất sinh lời.....	61

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ về bộ máy tổ chức của Công ty	27
Sơ đồ 2.2 : Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	29
Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại công ty....	31
Sơ đồ 2.4: Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty	32
Sơ đồ 2.5 : Xác định kết quả kinh doanh của công ty.....	40
Sơ đồ 3.1 : Trình tự phân tích BCKQHĐKD.....	54

DANH MỤC BIỂU SỒ

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0012348	34
Biểu số 2.2 : Trích trang Sổ Nhật ký chung.....	35
Biểu số 2.3: Trích trang Sổ cái 511.....	36
Biểu số 2.4 : Trích trang Sổ cái TK 131	37
Biểu số 2.5 : Trích trang Bảng tổng hợp chi tiết TK 131	39
Biểu số 2.6: Trích Bảng cân đối số phát sinh	43
Biểu số 2.7: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 tại công ty.....	48

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán AMIS.VN.....	63
Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting.....	65
Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán CNS.....	67

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Diễn giải	Ký hiệu
1	Báo cáo tài chính	BCTC
2	Tài khoản	TK
3	Bảng cân đối kế toán	BCĐKT
4	Bảng báo cáo kết quả kinh doanh	BCKQKD
5	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	BCLCTT
6	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	TMBCTC
7	Bảng cân đối tài khoản	BCĐTK
8	Sổ Nhật ký chung	NKC
9	Sổ cái	SC
10	Hóa đơn giá trị gia tăng	HD GTGT
11	Chủ sở hữu	CSH
12	Doanh nghiệp	DN
13	Tài sản cố định	TSCĐ
14	Thu nhập doanh nghiệp	TNDN
15	Ngân sách nhà nước	NSNN
16	Cán bộ công nhân viên	CB CNV

LỜI MỞ ĐẦU

Kinh tế Việt Nam đang ngày càng phát triển chính vì vậy thị trường cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là vô cùng gay gắt. Việc nắm bắt nhu cầu thị trường một cách chính xác và nhanh nhạy là vô cùng quan trọng giúp doanh nghiệp đưa ra những biện pháp đúng đắn, hợp lý đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra một cách liên tục và đạt kết quả cao. Để nắm bắt và đưa ra được các chính sách hợp lý thì đối với các doanh nghiệp báo cáo tài chính là một công cụ vô cùng quan trọng và cần thiết, trong đó Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một trong những báo cáo tài chính quan trọng nhất trình bày một cách tổng quát và toàn diện về kết quả kinh doanh trong kỳ. Thông qua đó, nhà quản lý sẽ tiến hành phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng tài chính trong doanh nghiệp để đưa ra quyết định quản lý tài chính đúng đắn.

Nhận thức được tầm quan trọng của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp, cùng với quá trình thực tập tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, em đã mạnh dạn chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng***“ làm đề tài khóa luận của mình. Ngoài lời mở đầu và phần kết luận, bài khóa luận được chia làm 3 chương như sau:

Chương 1: Một số lý luận cơ bản về công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực tế công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng

Bài khóa luận của em được hoàn thành dưới sự hướng dẫn và chỉ bảo tận tình của ***Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương***, cùng với sự giúp đỡ tạo điều kiện của ban Giám đốc và các anh chị phòng Tài chính-kế toán của Công ty. Tuy nhiên, do thời gian và trình độ có hạn nên bài báo cáo của em khó tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo tận tình của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2016

Sinh viên

Phạm Thị Hoài Thương

CHƯƠNG 1**MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC*****1.1.1. Khái niệm báo cáo tài chính và sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế.******1.1.1.1. Khái niệm Báo cáo tài chính***

Báo cáo tài chính (BCTC) là các báo cáo kế toán cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp đáp ứng các cầu cho những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu cho việc đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá thực trạng tài chính của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động đã qua và những dự đoán trong tương lai. Thông tin của Báo cáo tài chính là căn cứ quan trọng cho việc đề ra các quyết định về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư vào doanh nghiệp của các chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, các nhà đầu tư, các chủ nợ hiện tại và tương lai của doanh nghiệp. Vì thế, có thể nói BCTC vừa là phương pháp kế toán vừa là hình thức thể hiện và truyền đạt thông tin kế toán tài chính đến với những người sử dụng để có thể đưa ra các quyết định kinh tế thích hợp.

Hệ thống BCTC của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay theo quy định của Bộ tài chính gồm có:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bảng thuyết minh báo cáo tài chính

1.1.1.2. Sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế

Sự quan trọng và cần thiết của Báo cáo tài chính đối với công tác quản lý doanh nghiệp, với các cơ quan chủ quản cũng như những người quan tâm được thể hiện rõ trong các vấn đề sau :

❖ BCTC là công cụ được sử dụng để công bố những hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cung cấp thông tin cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp nhằm hỗ trợ các đối tượng này đưa ra các quyết định kinh tế tối ưu.

❖ BCTC cung cấp các thông tin kinh tế - tài chính để đánh giá thực trạng tài chính của doanh nghiệp trong kỳ đã qua, giúp cho việc kiểm tra, theo dõi tình hình sử dụng vốn, khả năng huy động nguồn vốn vào sản xuất của doanh nghiệp

❖ BCTC còn là căn cứ quan trọng để phân tích và nghiên cứu, đưa ra các quyết định về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất hoặc đầu tư vào doanh nghiệp của chủ sở hữu, các nhà đầu tư.

❖ Bên cạnh đó đối với nền kinh tế chung, Nhà nước sẽ khó có thể quản lý được các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khi không có hệ thống báo cáo tài chính. Chính vì thế BCTC mang một vai trò hết sức quan trọng trong việc giúp cho Nhà nước quản lý và điều tiết nền kinh tế, đặc biệt đối với nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa như nước ta.

➤ Vì thế BCTC mang ý nghĩa hết sức quan trọng và cần thiết đối với mỗi Doanh nghiệp, các cơ quan quản lý cấp trên cũng như các nhà đầu tư kinh tế.

1.1.2. Mục đích của Báo cáo tài chính

BCTC phản ánh theo một cấu trúc chặt chẽ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp. Căn cứ theo Chương III, mục 1, điều 97 của Thông Tư 200/2014/TT-BTC, mục đích của Báo cáo tài chính: “ Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

- a) Tài sản;
- b) Nợ phải trả;
- c) Vốn chủ sở hữu;
- d) Doanh thu, thu nhập khác, chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí khác;
- đ) Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh;
- e) Các luồng tiền.

Ngoài các thông tin này, doanh nghiệp còn phải cung cấp các thông tin khác trong “ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính” nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

Để thực sự trở thành công cụ quan trọng trong quản lý kinh tế, BCTC phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản dưới đây:

- BCTC phải được lập chính xác, trung thực, đúng mẫu biểu đã quy định, có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan và phải có dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị để đảm bảo tính pháp lý của báo cáo.

- BCTC phải đảm bảo tính thống nhất về nội dung, trình tự và phương pháp lập theo quyết định của nhà nước, từ đó người sử dụng có thể so sánh, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua các thời kỳ, hoặc giữa các doanh nghiệp với nhau.

1.1.3. Đối tượng áp dụng Báo cáo tài chính theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Căn cứ theo Chương III, mục 1, điều 99 của Thông tư 200/2014/TT-BTC đối tượng áp dụng BCTC bao gồm:

❖ Đối tượng lập Báo cáo tài chính năm:

Hệ thống Báo cáo tài chính năm được áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc ngành và các thành phần kinh tế. Báo cáo tài chính năm phải lập theo dạng đầy đủ.

❖ Đối tượng lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (Báo cáo tài chính quý và Báo cáo tài chính bán niên):

✓ Doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần chi phối, đơn vị có lợi ích công chúng phải lập Báo cáo tài chính giữa niên độ;

✓ Các doanh nghiệp khác không thuộc đối tượng tại điều nêu trên được khuyến khích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (nhưng không bắt buộc).

✓ Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập dưới dạng đầy đủ hoặc tóm lược. Chủ sở hữu đơn vị quyết định việc lựa chọn dạng đầy đủ hoặc tóm lược đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ của đơn vị mình nếu không trái với quy định của pháp luật mà đơn vị thuộc đối tượng bị điều chỉnh.

❖ Doanh nghiệp cấp trên có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân phải lập Báo cáo tài chính của riêng đơn vị mình và Báo cáo tài chính tổng hợp. Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở đã bao gồm số liệu của toàn bộ các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân và đảm bảo đã loại trừ tất cả số liệu phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới, giữa các đơn vị cấp dưới với nhau.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân phải lập Báo cáo tài chính của mình phù hợp với kỳ báo cáo của đơn vị cấp trên để phục vụ cho việc tổng hợp Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên và kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước.

❖Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp ngành đặc thù tuân thủ theo quy định tại chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành hoặc chấp thuận cho ngành ban hành.

❖Việc lập, trình bày và công khai Báo cáo tài chính hợp nhất năm và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thực hiện theo quy định của pháp luật về Báo cáo tài chính hợp nhất.

1.1.4. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính

BCTC phải được lập và trình bày tuân thủ theo những nguyên tắc đã quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 “ Trình bày Báo cáo tài chính” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính

1.1.4.1. Nguyên tắc hoạt động liên tục

Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, giám đốc doanh nghiệp cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. BCTC phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, thu hẹp quy mô hoạt động của mình. Giám đốc khi đánh giá biết những điều không chắc chắn liên quan đến các điều kiện có thể gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp thì cần phải nêu rõ ra. Nếu BCTC không được lập trên cơ sở hoạt động liên tục thì sự kiện này cần được nêu rõ, cùng với cơ sở dùng để lập BCTC và lý do khiến cho doanh nghiệp không được coi là đang hoạt động liên tục.

1.1.4.2. Nguyên tắc cơ sở dồn tích

Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán dồn tích, ngoại trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền. Các khoản chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên tắc phù hợp không cho phép ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán những khoản mục không thỏa mãn định nghĩa về tài sản hoặc nợ phải trả.

1.1.4.3. Nguyên tắc nhất quán

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác, trừ khi:

➤ Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp khi xem xét lại việc trình bày BCTC cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện.

➤ Một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi trong việc trình bày.

1.1.4.4. Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp

Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong BCTC. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

Theo nguyên tắc trọng yếu, doanh nghiệp không nhất thiết phải tuân thủ các quy định về trình bày BCTC của các chuẩn mực kế toán cụ thể nếu các thông tin đó không có tính trọng yếu.

1.1.4.5. Nguyên tắc bù trừ

- Các khoản mục tài sản và nợ phải trả trình bày trên BCTC không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ.

- Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí chỉ được bù trừ khi:

✦ Được quy định tại một chuẩn mực kế toán khác

✦ Các khoản lãi, lỗ và các chi phí liên quan phát sinh từ các giao dịch và các sự kiện giống nhau hoặc tương tự và không có tính trọng yếu.

1.1.4.6. Nguyên tắc có thể so sánh

Các thông tin trong BCTC nhằm so sánh giữa các kỳ kế toán phải được trình bày tương ứng với các thông tin bằng số liệu trong BCTC kỳ trước. Các thông tin so sánh cần phải bao gồm cả các thông tin diễn giải bằng lời nếu điều này là cần thiết giúp cho những người sử dụng hiểu rõ được BCTC của kỳ hiện tại.

1.1.5. Yêu cầu đối với thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính

Đối với thông tin và số liệu được trình bày trong BCTC căn cứ theo Điều 101 của Thông tư 200/2014/TT-BTC đã nêu rõ:

❖ Thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính phải phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Để đảm bảo sự trung thực, thông tin phải có 3 tính chất là đầy đủ, khách quan, không có sai sót.

- Thông tin được coi là đầy đủ khi bao gồm tất cả các thông tin cần thiết để giúp người sử dụng BCTC hiểu được bản chất, hình thức và rủi ro của các giao dịch và sự kiện. Đối với một số khoản mục, việc trình bày đầy đủ còn phải mô tả thêm các thông tin về chất lượng, các yếu tố và tình huống có thể ảnh hưởng tới chất lượng và bản chất của khoản mục.

- Trình bày khách quan là không thiên vị khi lựa chọn hoặc mô tả các thông tin tài chính. Trình bày khách quan phải đảm bảo tính trung lập, không chú trọng, nhấn mạnh hoặc giảm nhẹ cũng như có các thao tác khác làm thay đổi mức độ ảnh hưởng của thông tin tài chính là có lợi hoặc không có lợi cho người sử dụng BTCT.

- Không có sai sót có nghĩa là không có sự bỏ sót trong việc mô tả hiện tượng và không có sai sót trong quá trình cung cấp các thông tin báo cáo được lựa chọn và áp dụng. Việc trình bày một ước tính được coi là trung thực nếu giá trị ước tính được mô tả rõ ràng, bản chất và các hạn chế của quá trình ước tính được giải thích và không có sai sót trong việc lựa chọn số liệu phù hợp trong quá trình ước tính.

❖ Thông tin tài chính phải thích hợp để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính dự đoán, phân tích và đưa ra các quyết định kinh tế

❖ Thông tin tài chính được trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

❖ Thông tin phải đảm bảo có thể kiểm chứng, kịp thời, dễ hiểu.

❖ Thông tin tài chính phải được trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các kỳ kế toán, giữa các doanh nghiệp với nhau.

1.1.6. Hệ thống Báo cáo tài chính theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

1.1.6.1. Hệ thống Báo cáo tài chính

Hệ thống BCTC gồm Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài chính giữa niên độ:

❖ Báo cáo tài chính năm

Tên gọi	Mẫu số
1. Bảng cân đối kế toán(BCĐKT)	B01-DN
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (BCKQHĐKD)	B02-DN
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (BCLCTT)	B03-DN
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (TMBCTC)	B09-DN

❖ Báo cáo tài chính giữa niên độ.

a. Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ

Tên gọi	Mẫu số
1. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	B01a-DN
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	B02a-DN
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	B03a-DN
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc	B09a-DN

b. Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược.

Tên gọi	Mẫu số
1. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	B01b-DN
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	B02b-DN
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	B03b-DN
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc	B09b-DN

1.1.6.2. Kỳ lập Báo cáo tài chính

Căn cứ theo Chương III, Mục 1, Điều 98 của Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định về kỳ lập BCTC:

❖ Kỳ lập Báo cáo tài chính năm

- Các doanh nghiệp phải lập BCTC năm theo quy định của Luật kế toán

❖ Kỳ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

- BCTC giữa niên độ gồm BCTC quý (bao gồm cả quý IV) và BCTC bán niên.

❖ Kỳ lập Báo cáo tài chính khác

- Các doanh nghiệp có thể lập BCTC theo kỳ kế toán khác (như tháng, 6 tháng, 9 tháng,...) theo yêu cầu của pháp luật, của công ty mẹ hoặc của chủ sở hữu.

- Đơn vị kế toán bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản phải lập BCTC tại thời điểm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản.

1.1.6.3. Thời hạn nộp Báo cáo tài chính

Căn cứ theo Chương III, Mục 1, Điều 109 của Thông tư 200/2014/TT-BTC đã quy định rõ về thời hạn nộp BCTC đối với từng loại hình doanh nghiệp:

➤ Đối với doanh nghiệp Nhà nước

✓ Thời hạn nộp BCTC quý:

- Đơn vị kế toán phải nộp chậm nhất là 20 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý. Đối với công ty mẹ, Tổng công ty Nhà nước chậm nhất là 45 ngày.

- Đơn vị kế toán trực thuộc doanh nghiệp, Tổng công ty Nhà nước nộp cho công ty mẹ, Tổng công ty theo thời hạn do công ty mẹ, Tổng công ty quy định.

✓ Thời hạn nộp BCTC năm:

- Đơn vị kế toán phải nộp chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với công ty mẹ, Tổng công ty Nhà nước chậm nhất là 90 ngày.

- Đơn vị kế toán trực thuộc Tổng công ty Nhà nước nộp cho công ty mẹ, Tổng công ty theo thời hạn do công ty mẹ, Tổng công ty quy định.

➤ Đối với các loại hình doanh nghiệp khác

✓ Doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh

- Đơn vị kế toán phải nộp chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với các đơn vị kế toán khác, thời hạn chậm nhất là 90 ngày.

✓ Đơn vị kế toán trực thuộc nộp cho đơn vị kế toán cấp trên theo thời hạn do cấp trên quy định.

1.1.6.4. Nơi nhận Báo cáo tài chính

Tại Điều 110 Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định rõ về nơi nhận Báo cáo tài chính của từng loại doanh nghiệp

CÁC LOẠI DOANH NGHIỆP	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan Thuế	Cơ quan Thống kê	DN cấp trên	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. Doanh nghiệp Nhà nước	Quý, Năm	x	x	x	x	x
2. DN có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	x	x	x	x	x
3. Các loại doanh nghiệp khác	Năm		x	x	x	x

1.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thông tư 200/2014/TT-BTC

1.2.1. Khái niệm, nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.1.1. Khái niệm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính phản ánh tóm lược các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định, bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh (hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính) và hoạt động khác. Hay có thể nói, BCKQHĐKD phản ánh tổng quát các doanh thu phát sinh và chi phí đã sử dụng để tạo ra doanh thu đó, lãi hay lỗ thuần chính là khoảng chênh lệch giữa doanh thu và chi phí. Báo cáo còn được sử dụng như một bảng hướng dẫn để xem xét doanh nghiệp sẽ hoạt động thế nào trong tương lai.

1.2.1.2. Nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Căn cứ theo Mục 2, Điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định rõ về nội dung cũng như kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trình bày tình hình cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm kết quả từ hoạt động kinh doanh chính và kết quả từ các hoạt động tài chính và hoạt động khác của doanh nghiệp.

Bảng 1.1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị báo cáo:

Mẫu số B 02 – DN

Địa chỉ :

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm.....

Đơn vị tính:.....

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26			
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30			
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	60			
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm có 5 cột (Bảng 1.1)

- Cột 1: Các chỉ tiêu báo cáo;
- Cột 2: Mã số của các chỉ tiêu tương ứng;
- Cột 3: Số hiệu tương ứng với các chỉ tiêu của báo cáo này được thể hiện trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính;
- Cột 4: Tổng số phát sinh trong kỳ báo cáo năm;
- Cột 5: Số liệu của năm trước (để so sánh).

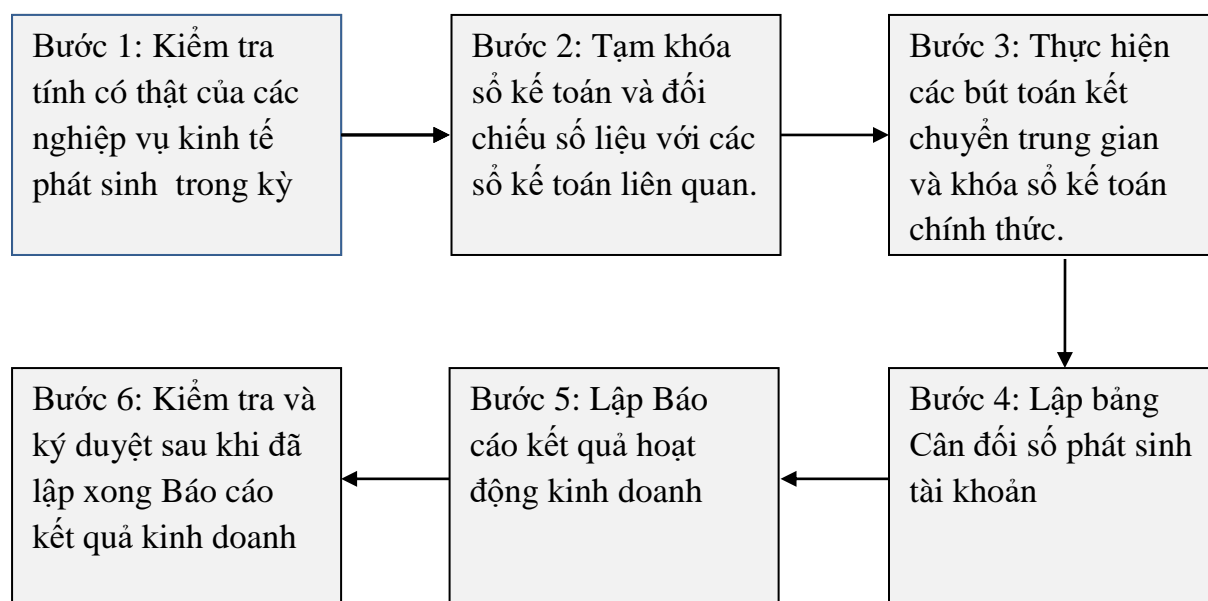
1.2.2. Cơ sở lập và trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

1.2.2.1. Cơ sở lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước
- Căn cứ vào sổ cái, sổ kế toán chi tiết dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 trong kỳ.

1.2.2.2. Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Để lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cần tuân thủ theo các bước sau (Sơ đồ 1.1) :



Sơ đồ 1.1: Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.3. Nội dung và phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- ❖ Cột 1 ghi “Chỉ tiêu” là tên của các chỉ tiêu trong Báo cáo
- ❖ Cột 2 ghi “Mã số” là mã số của các chỉ tiêu xuất hiện trong Báo cáo
- ❖ Cột 3 ghi “Thuyết minh” là số hiệu chi tiết tương ứng với các chỉ tiêu của báo cáo này được thể hiện trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm.

❖Cột số 5 ghi “Năm trước” của báo cáo năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo năm trước hoặc theo số đã điều chỉnh. Trong trường hợp phát hiện ra sai sót trọng yếu của năm trước có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp phải tiến hành điều chỉnh.

- Các chỉ tiêu ghi vào Cột 4 “ Năm nay” được lập cụ thể như sau:

➤Mã 01 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu này phản ánh tổng doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ trong năm báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu được ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có của tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu này không bao gồm các loại thuế gián thu, như thuế GTGT (phương pháp trực tiếp), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và các loại thuế, phí gián thu khác.

➤Mã 02 - Các khoản giảm trừ doanh thu

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp các tài khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ báo cáo. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ của tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” đối ứng với bên Có của tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu” trong kỳ.

Chỉ tiêu không bao gồm các khoản thuế gián thu, phí mà doanh nghiệp không được hưởng phải nộp NSNN (được ghi giảm doanh thu trên sổ kế toán tài khoản 511) .

➤Mã 10 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

$$\text{Mã 10} = \text{Mã 01} - \text{Mã 02}$$

Chỉ tiêu phản ánh số doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, bất động sản đầu tư, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác đã trừ các khoản giảm trừ trong kỳ báo cáo.

➤Mã 11 - Giá vốn hàng bán

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có của Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” trong kỳ báo cáo đối ứng với Nợ của tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

Chỉ tiêu phản ánh tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ hoàn thành đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ báo cáo.

➤ Mã 20 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

$$\mathbf{Mã\ 20 = Mã\ 10 - Mã\ 11}$$

Chỉ tiêu phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ báo cáo.

➤ Mã 21 - Doanh thu hoạt động tài chính

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ của tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” đối ứng với Có của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo.

Chỉ tiêu phản ánh doanh thu hoạt động tài chính thuần phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp.

➤ Mã 22 - Chi phí tài chính

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có tài khoản 635 “Chi phí tài chính” đối ứng với Nợ của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong báo cáo tài chính.

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí tài chính, gồm tiền lãi vay phải trả, chi phí bản quyền, chi phí hoạt động liên doanh,... phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp.

➤ Mã 23 - Chi phí lãi vay

Số liệu của chỉ tiêu này căn cứ vào Sổ kế toán chi tiết của tài khoản 635. Chỉ tiêu phản ánh chi phí lãi vay phải trả được tính vào chi phí tài chính trong kỳ báo cáo.

➤ Mã 25 - Chi phí bán hàng

Số liệu của chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của tài khoản 641 “Chi phí bán hàng” đối ứng với Nợ của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu phản ánh tổng chi phí bán hàng hóa, thành phẩm đã bán, dịch vụ cung cấp phát sinh trong kỳ.

➤ Mã 26 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số liệu của chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” đối ứng với Nợ của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ. Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo.

➤ Mã 30 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh

$$\mathbf{Mã\ 30 = Mã\ 20 + (Mã\ 21 - Mã\ 22) - Mã\ 25 - Mã\ 26}$$

Chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này được tính toán trên cơ sở lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ công (+) Doanh thu hoạt động tài chính (-) Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo.

➤ Mã 31 - Thu nhập khác

Số liệu của chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Nợ của tài khoản 711 “Thu nhập khác” đối ứng với Có của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu phản ánh các khoản thu nhập khác, phát sinh trong kỳ.

Riêng đối với giao dịch thanh lý, nhượng bán TSCĐ, bất động sản thì số liệu của chỉ tiêu này là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, bất động sản cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ, bất động sản và chi phí thanh lý.

➤ Mã 32 - Chi phí khác

Số liệu của chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của tài khoản 811 “Chi phí khác” đối ứng với Nợ của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo

Riêng đối với giao dịch thanh lý, nhượng bán TSCĐ, bất động sản thì số liệu của chỉ tiêu này là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, bất động sản nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ, bất động sản và chi phí thanh lý.

➤ Lợi nhuận khác (Mã 40)

$$\text{Mã 40} = \text{Mã 31} - \text{Mã 32}$$

Chỉ tiêu phản ánh số chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi trừ thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp) với chi phí khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

➤ Mã 50 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

$$\text{Mã 50} = \text{Mã 30} + \text{Mã 40}$$

Chỉ tiêu phản ánh tổng số lợi nhuận kế toán thực hiện trong năm báo cáo của doanh nghiệp trước khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

➤ Mã 51 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số liệu của chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của tài khoản 8211 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” đối ứng với Nợ của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết 8211

➤Mã 52 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Số liệu của chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của tài khoản 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” đối ứng với Nợ của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết 8212

➤Mã 60 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\text{Mã 60} = \text{Mã 50} - (\text{Mã 51} + \text{Mã 52})$$

Chỉ tiêu phản ánh tổng số lợi nhuận thuần (hoặc lỗ) sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp (sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp) phát sinh trong năm báo cáo.

➤Mã 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này phản ánh lãi cơ bản trên cổ phiếu, chưa tính đến các công cụ được phát hành trong tương lai có khả năng pha loãng giá trị cổ phiếu. Chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính của công ty cổ phần là doanh nghiệp độc lập. Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

Trường hợp Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế, lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi cơ bản trên cổ phiếu} = \frac{\text{Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông} - \text{Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ}}$$

Việc xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế.

➤Mã 71 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu phản ánh lãi suy giảm trên cổ phiếu, có tính đến sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu.

Đối với doanh nghiệp là doanh nghiệp độc lập thì chỉ tiêu này được trình bày trên BCTC của công ty cổ phần. Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên BCTC hợp nhất, không trình bày trên BCTC riêng của công ty mẹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định như sau:

$$\text{Lãi suy giảm trên cổ phiếu} = \frac{\text{Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông} - \text{Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ} + \text{Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm}}$$

Lợi nhuận (hoặc lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định:

$$\text{Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông} = \text{Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế TNDN} - \text{Các khoản điều chỉnh giảm} + \text{Các khoản điều chỉnh tăng}$$

Trường hợp công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu trên BCTC hợp nhất thì lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế TNDN trong kỳ là lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế TNDN được tính trên cơ sở thông tin hợp nhất. Trường hợp trình bày trên BCTC riêng thì lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế TNDN trong kỳ là lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế của riêng công ty.

1.3. Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.3.1. Mục đích, ý nghĩa của phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.3.1.1. Khái niệm phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là quá trình nghiên cứu đánh giá, xem xét toàn bộ quá trình, các chỉ tiêu kinh tế, dùng số liệu đánh giá tình hình tài chính, khả năng và tiềm lực của doanh nghiệp. Từ đó, nêu ra được những điểm mạnh cần phát huy và những hạn chế cần phải khắc phục trong hoạt động kinh doanh, cũng như giúp người sử dụng thông tin đưa ra các quyết định tài chính và quyết định quản lý phù hợp.

1.3.1.2. Mục đích và ý nghĩa của phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là công cụ không thể thiếu để phục vụ cho công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tài chính, ngân hàng,... trong việc đánh giá, thực hiện các chế độ và chính sách tài

chính của nhà nước. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tạo ra các chu kỳ đánh giá về các hoạt động kinh doanh trong quá khứ cũng như tương lai, cân đối tài chính và khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, trả nợ, các rủi ro tài chính của doanh nghiệp.

● *Đối với chủ sở hữu*: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giúp đánh giá hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh, khả năng điều hành của nhà quản trị để quyết định sử dụng hoặc bãi miễn nhà quản trị .

● *Đối với chủ nợ (Ngân hàng, các nhà cho vay, nhà cung cấp)*: Luôn chú ý, quan tâm đến tình hình và khả năng thanh toán cũng như lượng vốn chủ sở hữu hay khả năng sinh lời để đánh giá đơn vị có khả năng trả nợ được hay không trước khi quyết định cho vay hay bán chịu sản phẩm .

● *Đối với nhà đầu tư trong tương lai*: phân tích của đơn vị qua các thời kỳ, để đưa ra quyết định đầu tư hay không, đầu tư dưới hình thức nào và đầu tư vào lĩnh vực nào.

● *Đối với cơ quan chức năng*: Thông qua cơ quan thuế, dựa vào các thông tin trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh xác định các nghĩa vụ doanh nghiệp phải thực hiện đối với nhà nước.

➤ Chính vì thế việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giúp cho doanh nghiệp thấy được mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tài chính để từ đó đưa ra các quyết định phù hợp nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

1.3.2. Các phương pháp phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Có nhiều phương pháp khác nhau được sử dụng trong việc phân tích tài chính của doanh nghiệp. Trong số đó thì các phương pháp thường được sử dụng trong phân tích là: phương pháp cân đối, phương pháp tỉ lệ, phương pháp so sánh.

1.3.2.1. Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh là phương pháp được sử dụng phổ biến, rộng rãi trong phân tích tài chính. Sử dụng so sánh là đối chiếu các chỉ tiêu có cùng một nội dung, một tính chất nhằm xác định xu hướng, mức độ biến động của các chỉ tiêu phân tích, từ đó đánh giá được mức độ biến động của chỉ tiêu đó là tích cực hay tiêu cực.

Về nguyên tắc phải đảm bảo thống nhất các điều kiện về nội dung, thời gian, tính chất, không gian hay đơn vị tính,... thì mới có thể tiến hành so sánh.

Kỳ phân tích thường là kỳ báo cáo hoặc kỳ nghiên cứu. Trong phương pháp này chia thành ba kỹ thuật sau:

- So sánh tương đối: là tỷ lệ mức biến động giữa kỳ gốc và kỳ báo cáo, đồng thời phản ánh các mối quan hệ về kết cấu, tỷ lệ của chỉ tiêu phân tích.

- So sánh tuyệt đối: là so sánh giữa trị số của chỉ tiêu kinh tế kỳ phân tích so với kỳ gốc. Kết quả so sánh biểu hiện biến động khối lượng, quy mô của các chỉ tiêu tài chính đó.

- So sánh kết cấu: là so sánh tỷ trọng của một chỉ tiêu trong tổng số các chỉ tiêu kinh tế cần so sánh.

Quá trình phân tích kỹ thuật của phương pháp so sánh được thể hiện theo 3 hình thức:

- So sánh theo chiều dọc: là quá trình so sánh nhằm xác định các tỷ lệ quan hệ tương quan giữa các chỉ tiêu từng kỳ của các báo cáo tài chính. So sánh theo chiều dọc của BCKQHĐKD liên quan đến việc so sánh từng khoản mục so với doanh thu bán hàng.

- So sánh theo chiều ngang: là quá trình so sánh nhằm xác định tỷ lệ và chiều hướng biến động các kỳ trên báo cáo kế toán tài chính.

- So sánh xác định xu hướng và tính liên hệ của các chỉ tiêu: các chỉ tiêu riêng biệt hay chỉ tiêu tổng cộng trên báo cáo được xem xét trong mối quan hệ với các chỉ tiêu phản ánh quy mô chung và chúng có thể được xem xét nhiều kỳ để thấy rõ hơn xu hướng phát triển của các hiện tượng nghiên cứu.

1.3.2.2. Phương pháp phân tích tỷ lệ

Phương pháp này được áp dụng phổ biến trong phân tích tài chính do nó dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của các đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính. Phương pháp tỷ lệ giúp các nhà phân tích khai thác có hiệu quả những số liệu và phân tích một cách có hệ thống hàng loạt tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục hoặc theo từng giai đoạn. Qua đó nguồn thông tin kinh tế và tài chính được cải tiến và cung cấp đầy đủ hơn. Từ đó cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy quá trình tính toán hàng loạt các tỷ lệ như:

+ Tỷ lệ về khả năng thanh toán : Được sử dụng để đánh giá khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

+ Tỷ lệ và khả năng cân đối vốn, cơ cấu vốn và nguồn vốn: Qua chỉ tiêu này phản ánh mức độ ổn định và tự chủ tài chính.

+ Tỷ lệ về khả năng hoạt động kinh doanh : Đây là nhóm chỉ tiêu đặc trưng cho việc sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp.

+ Tỷ lệ về khả năng sinh lời: Phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng hợp nhất của doanh nghiệp.

1.3.2.3. Phương pháp cân đối

Là phương pháp mô tả và phân tích các hiện tượng kinh tế mà giữa chúng tồn tại mối quan hệ cân bằng hoặc phải tồn tại sự cân bằng.

Phương pháp cân đối thường kết hợp với phương pháp so sánh để giúp người phân tích có được đánh giá toàn diện về tình hình tài chính.

Phương pháp cân đối là cơ sở sự cân bằng về lượng giữa tổng số tài sản và tổng số nguồn vốn, giữa nguồn thu, huy động và tình hình sử dụng các loại tài sản trong doanh nghiệp.

1.3.3. Nội dung phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.3.3.1. Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo chiều ngang

Phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang sẽ làm nổi bật biến động của một khoản mục nào đó qua thời gian, việc phân tích như vậy sẽ làm nổi rõ đặc điểm về lượng cũng như tỷ lệ các khoản mục theo thời gian (Bảng 1.2)

Việc đánh giá từ tổng quát đến chi tiết giúp tổng hợp các thông tin lại với nhau để đánh giá khả năng tiềm tàng và rủi ro và nhận ra những chỉ tiêu có biến động cần tập trung phân tích và xác định nguyên nhân.

Bảng 1.2 : Bảng phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm Trước	So sánh ±	
			Số tiền	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
4. Giá vốn hàng bán				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
6. Doanh thu hoạt động tài chính				
7. Chi phí tài chính				
- Trong đó: Chi phí lãi vay				
8. Chi phí bán hàng				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp				
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
11. Thu nhập khác				
12. Chi phí khác				
13. Lợi nhuận khác				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				

1.3.3.2 .Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo chiều dọc

Phân tích BCKQHĐKD theo chiều dọc liên quan đến việc so sánh từng khoản mục trên BCKQHĐKD với Doanh thu. Mỗi mục sau đó được báo cáo bằng một tỷ lệ phần trăm so với doanh thu. Người dùng thường mở rộng phân tích theo chiều dọc bằng cách so sánh những phân tích qua từng thời kỳ khác nhau. Điều này giúp chỉ ra xu hướng và rất hữu ích trong việc đưa ra quyết định (Bảng 1.3)

Bảng 1.3 : Bảng phân tích BCKQHĐKD theo chiều dọc

STT	Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
		Số tiền	Tỷ trọng%	Số tiền	Tỷ trọng%
1	Doanh thu thuần				
2	Giá vốn hàng bán				
3	Chi phí quản lý DN				
4	Chi phí hoạt động tài chính				
5	Chi phí khác				
6	Lợi nhuận trước thuế				

1.3.3.3. Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các tỷ số phản ánh khả năng sinh lời.

Thông qua việc phân tích các tỷ số về khả năng sinh lời có thể đánh giá được hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản lý cũng như nhà đầu tư.

❖ *Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu*

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Tỷ số này cho biết lợi nhuận chiếm bao nhiêu phần trăm trong doanh thu.

Tỷ số này mang giá trị dương nghĩa là công ty kinh doanh có lãi. Tỷ số càng lớn nghĩa là lãi của doanh nghiệp càng lớn. Còn tỷ số mang giá trị âm nghĩa là công ty kinh doanh thua lỗ.

Tuy nhiên, tỷ số này phụ thuộc vào đặc điểm kinh doanh của từng ngành. Vì thế, khi theo dõi tình hình sinh lợi của công ty, người ta so sánh tỷ số này của công ty với tỷ số bình quân của toàn ngành mà công ty đó tham gia.

❖ *Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA)*

$$\text{Tỷ số lợi nhuận trên tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Bình quân tổng giá trị tài sản}}$$

Trong đó:

$$\text{Bình quân tổng giá trị tài sản} = \frac{\text{Tổng tài sản đầu năm} + \text{Tổng tài sản cuối năm}}{2}$$

Chỉ tiêu này là tỷ số tài chính dùng để đo lường khả năng sinh lợi trên mỗi đồng tài sản của doanh nghiệp. Nó thể hiện tính hiệu quả của quá trình tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nếu tỷ số này dương, thì có nghĩa doanh nghiệp làm ăn có lãi. Tỷ số càng cao cho thấy doanh nghiệp làm ăn càng hiệu quả. Còn nếu tỷ số âm chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn thua lỗ.

Tỷ số này phụ thuộc vào mùa vụ kinh doanh và ngành nghề kinh doanh. Do đó, người phân tích tài chính doanh nghiệp chỉ sử dụng tỷ số này trong so sánh doanh nghiệp với bình quân toàn ngành hoặc với doanh nghiệp khác cùng ngành và so sánh cùng một thời kỳ.

❖ *Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (CSH)- (ROE)*

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Trong đó:

$$\text{Vốn CSH bình quân} = \frac{\text{Vốn CSH đầu năm} + \text{Vốn CSH cuối năm}}{2}$$

Chỉ tiêu này kết hợp với BCKQHĐKD và bảng Cân đối kế toán dùng để đo khả năng sinh lợi trên mỗi đồng vốn cổ phần ở một công ty cổ phần.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) cho biết cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu của công ty tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Nếu tỷ số này mang giá trị dương, là công ty làm ăn có lãi, tỷ số càng cao doanh nghiệp làm ăn càng tốt. Còn nếu mang giá trị âm là công ty làm ăn thua lỗ.

Cũng như tỷ số lợi nhuận trên tài sản, tỷ số này phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh. Ngoài ra, nó còn phụ thuộc vào quy mô và mức độ rủi ro của công ty. Để so sánh chính xác, cần so sánh tỷ số này của một công ty cổ phần với tỷ số bình quân của toàn ngành, hoặc với tỷ số của công ty tương đương trong cùng ngành.

Qua các chỉ tiêu trên ta có bảng phân tích tỷ suất sinh lời (Bảng 1.4) như sau:

Bảng 1.4: Bảng phân tích tỷ suất sinh lời

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch +/-
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%			
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân	%			
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH bình quân	%			

CHƯƠNG 2**THỰC TẾ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG****2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng****2.1.1.1. Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng**

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG**

- Tên giao dịch chính thức : Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng

- Trụ sở chính : Số 40 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại : 031.3745.255

- Fax: 031. 3745 . 655

Công ty thành lập năm 1995. Ban đầu khi thành lập công ty lấy tên là “ Chi nhánh công ty CP Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng- Xí nghiệp Xây dựng 10-10”. Đến ngày 29/6/2013 Bộ trưởng Bộ Công thương có quyết định số 3440/QĐ-BCT về việc đổi tên Xí nghiệp thành “Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng”. Đối với một công ty xây dựng thì 18 năm không phải là một thời gian dài nhưng cũng không phải là thời gian ngắn để công ty khẳng định thương hiệu của doanh nghiệp mình. Khi mới thành lập công ty gặp rất nhiều khó khăn, một doanh nghiệp còn rất non trẻ trong ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp thì kinh nghiệm trở thành một hạn chế lớn nhất. Bước đầu hoạt động công ty nhận thầu những công trình, hạng mục công trình có quy mô nhỏ khiêm tốn, nhưng với nỗ lực không ngừng của cán bộ, công nhân viên trong công ty thì hiện nay công ty đã đạt được những thành tựu rất đáng kể. Vừa hoạt động sản xuất kinh doanh vừa học hỏi kinh nghiệm của các công ty bạn, hiện nay Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng đã trở thành một doanh nghiệp có tới hàng trăm công trình xây dựng trên khắp thành phố Hải Phòng và khắp cả nước.

Với phương châm hoạt động đảm bảo chất lượng sản phẩm, đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ và yêu cầu của khách hàng công ty cố gắng để khẳng định vị trí của mình trên thị trường.

2.1.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng là đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng. Ngành nghề chính của công ty là :

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thuỷ lợi, bưu điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, đường dây, trạm biến áp .
- Đầu tư, kinh doanh phát triển nhà.
- San lấp mặt bằng, xử lý nền móng các công trình.
- Mua bán vật liệu xây dựng
- Tư vấn, giám sát công trình.
- Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

2.1.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng

Ngành xây dựng trên cả nước nói chung cũng như xây dựng ở Hải Phòng nói riêng trong những năm gần đây đã có những bước phát triển thuận lợi song bên cạnh đó cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng cũng là một trong số những công ty phải đối mặt với thực trạng đó.

● Thuận lợi của Công ty

- Sau một thời gian kinh tế trong nước đang xu hướng đi lên, tỷ lệ lạm phát được Nhà nước kiểm soát ở mức thấp, cùng với nhu cầu ngày càng tăng của thị trường là điều kiện tốt cho ngành xây dựng hồi phục, giúp cho công ty ngày càng phát triển.

- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng cũng là một trong số những công ty lâu năm có uy tín, thương hiệu vững chắc trong ngành xây dựng tại Hải Phòng cũng như những vùng lân cận.

- Trải qua nhiều năm công tác, công ty đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật dày dặn kinh nghiệm, có khả năng ứng dụng các công nghệ khoa học hiện đại trong quản lý và sản xuất, giúp công ty ngày càng phát triển và vươn xa ra toàn khu vực.

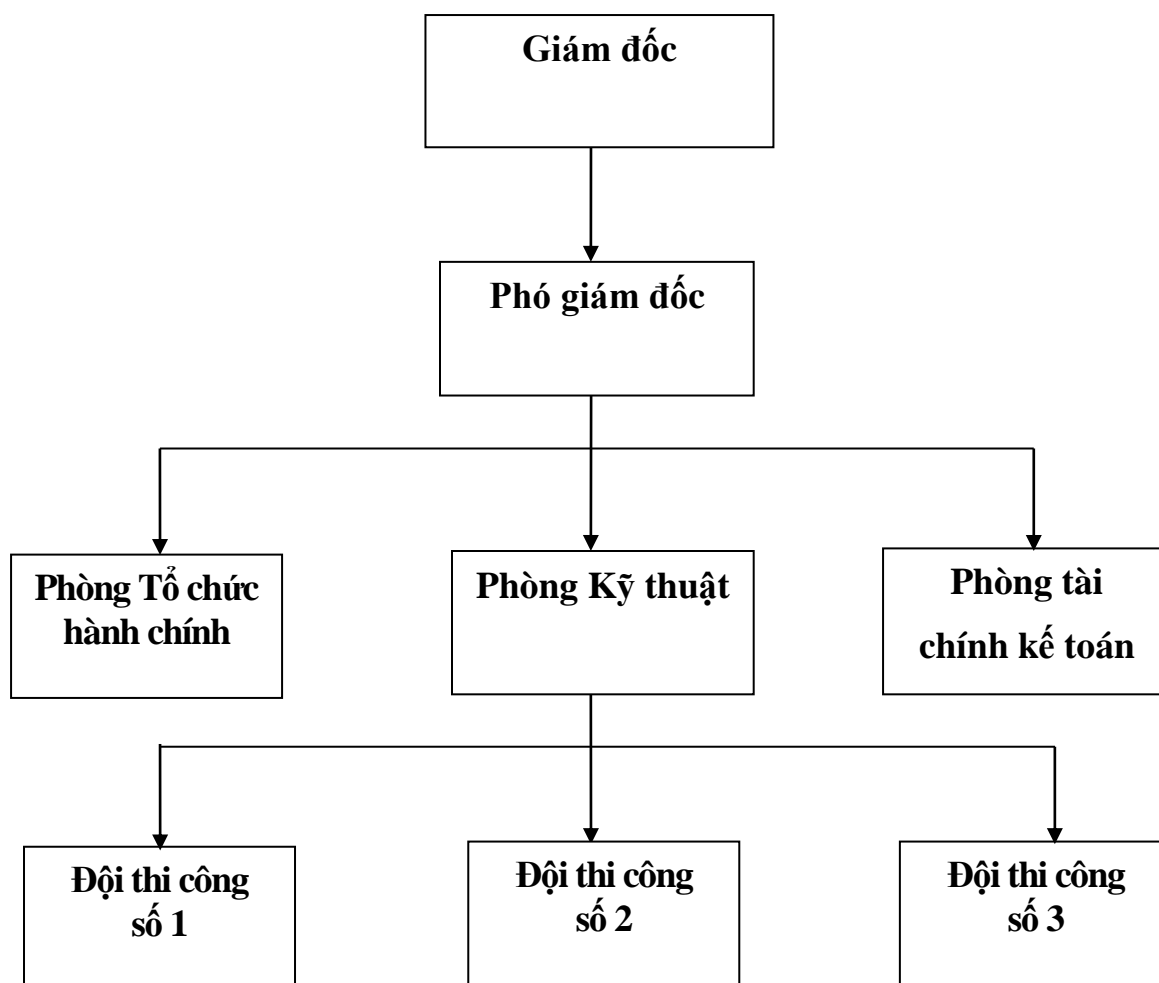
- Khó khăn của Công ty

- Sức cạnh tranh trên thị trường giữa các công ty xây dựng cũng ngày càng trở nên gay gắt, yêu cầu của khách hàng cũng ngày một tăng vì vậy công ty sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc nhận thầu.

- Chi phí đầu vào của các vật liệu xây dựng mấy năm gần đây có nhiều biến động, gây ảnh hưởng tới giá thành cũng như chất lượng của các công trình.

2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng với mục tiêu phấn đấu là tinh giảm bộ máy quản lý để đổi mới nâng cao trình độ quản lý, tăng hiệu suất làm việc đạt tới mức độ cao nhất. Trình độ nghiệp vụ của các cán bộ quản lý ngày càng được nâng cao. Các phòng ban với chức năng rõ ràng phụ trách các nhiệm vụ cụ thể do giám đốc công ty quy định và có mối quan hệ mật thiết với nhau trong việc lập và thực hiện kế hoạch sản xuất (sơ đồ 2.1):



Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ về bộ máy tổ chức của Công ty

➤ Chức năng của từng phòng ban:

- **Giám đốc công ty** : là người chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về mọi mặt hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm thực hiện điều hành công ty theo luật Doanh nghiệp.

- **Phó giám đốc**: là người giúp việc cho giám đốc giải quyết các công việc mà giám đốc giao, chịu trách nhiệm trước giám đốc về công việc được giao kể cả ủy quyền khi giám đốc đi vắng, thường trực giải quyết các công việc được giao, duy trì giao ban theo lịch trình quy định, chịu trách nhiệm thực hiện theo luật doanh nghiệp.

- **Các phòng nghiệp vụ**: giúp việc cho giám đốc về các mặt chuyên môn nghiệp vụ chịu trách nhiệm theo luật Doanh nghiệp:

✓Phòng tổ chức hành chính:

- Tham mưu, giúp việc Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản trị hành chính;

- Giúp việc Giám đốc trong công tác tổ chức nhân sự, tham mưu sắp xếp, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên (CB CNV), quản lý hồ sơ CB CNV, thực hiện chính sách lao động tiền lương và các chế độ mà Nhà nước ban hành đối với người lao động.

- Tham mưu xây dựng nội quy, quy chế hoạt động của Công ty, các đơn vị trực thuộc và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện;

- Tham mưu việc thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước đối với CB CNV đang làm việc, về hưu, về mất sức, tai nạn, ốm đau, thai sản, ...

- Tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh định kỳ và bất thường của Công ty khi BGD yêu cầu;

- Thực hiện công tác văn thư, bảo mật, bảo quản và sử dụng con dấu, lưu trữ tài liệu theo quy định;

- Là thành viên thường trực của Hội đồng xét nâng lương, hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật của công ty.

✓Phòng tài chính kế toán

- Tham mưu cho Ban Giám đốc về mặt định tính cũng như định lượng của các hoạt động kinh doanh diễn ra tại Công ty trong một thời gian cụ thể.

- Phản ánh trung thực và tổng thể một bức tranh về hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh, các mặt của Công ty để làm căn cứ cho Ban Giám đốc chỉ đạo đường lối phát triển.

✓Phòng kỹ thuật

- Tìm kiếm công trình xây dựng, thiết kế, thi công công trình.
- Giám sát việc thực hiện thi công và chịu trách nhiệm từ khâu dự toán đến khi quyết toán công trình được duyệt.

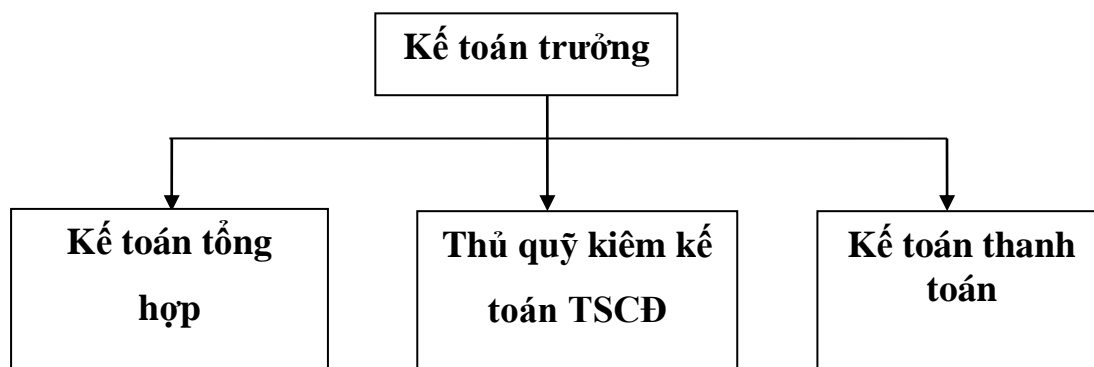
✓Đội thi công

- Căn cứ theo các dự án của Công ty bố trí nhân lực phù hợp đảm bảo tiến độ cho công trình.

2.1.3. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng**2.1.3.1. Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng**

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, tất cả các bộ phận kế toán đều tập hợp tại phòng Kế toán.

Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty được mô tả qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.2):

**Sơ đồ 2.2 : Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty****➤Chức năng của từng bộ phận như sau:**

- **Kế toán trưởng:** Giám sát các hoạt động tài chính của công ty. Chịu trách nhiệm trước giám đốc và cơ quan pháp luật về toàn bộ công việc kế toán của mình trong công ty. Có nhiệm vụ theo dõi chung, chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức phân công kiểm tra công việc của các nhân viên kế toán.

- **Kế toán tổng hợp:** Cập nhật chứng từ, vào sổ sách kế toán và có thể lên được báo cáo tài chính cho mỗi kỳ kế toán như Sổ cái, sổ Nhật ký chung, Cân đối số phát sinh, Cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính ... và một số sổ sách khác.

- **Kế toán thanh toán:** Hàng ngày viết phiếu thu, chi, uỷ nhiệm chi... theo dõi thu chi tiền mặt và thu chi tiền ngân hàng, báo cáo kịp thời số dư tài khoản mỗi khi chủ tài khoản yêu cầu. Xuất hoá đơn khi bán hàng hoá và cung cấp dịch

vụ. Theo dõi các khoản phải thu phải trả, theo dõi chi tiết công nợ đến từng tổ chức, cá nhân nợ (TK141, 131, 138, 331, 338...) đồng thời có trách nhiệm đôn đốc và thu hồi nợ.

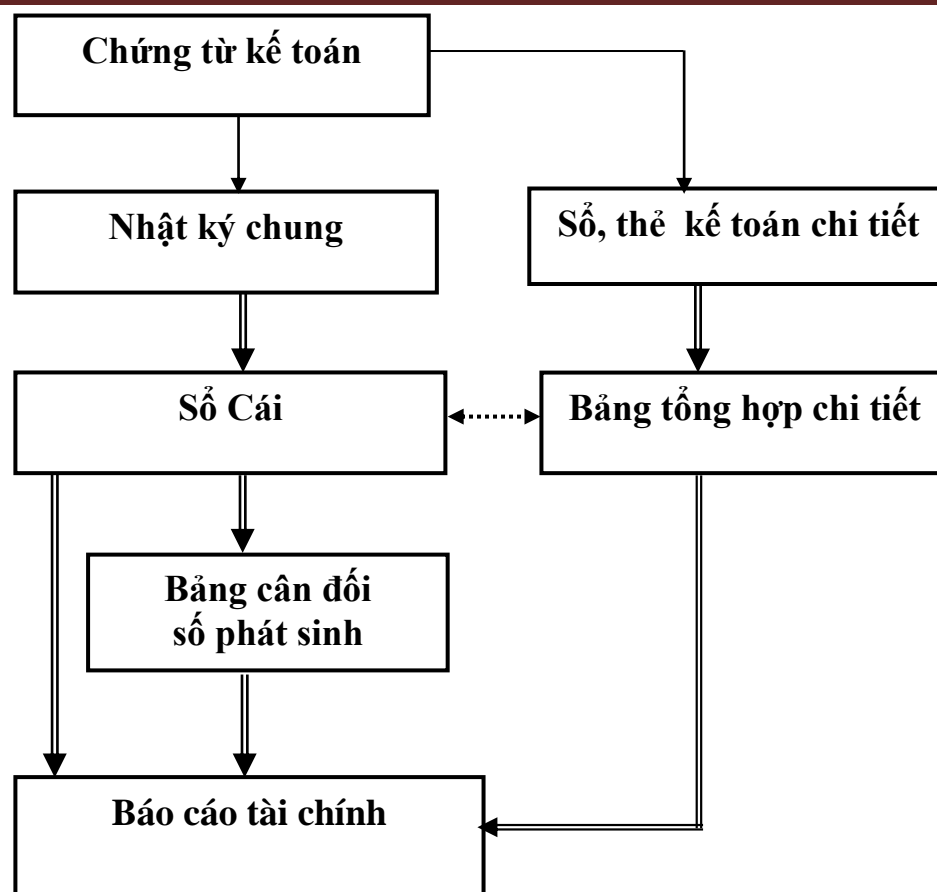
- **Thủ quỹ kiêm kế toán TSCĐ:** Nhận tiền theo Phiếu thu và chi tiền theo Phiếu chi. Có trách nhiệm quản lý tiền mặt thay cho Chủ tài khoản, tránh để thất thoát hay thiếu hụt tiền trong két. Định kỳ 6 tháng một lần kiểm kê TSCĐ hàng tháng, quản lý TSCĐ, trích khấu hao TSCĐ, lập thẻ tài sản và hạch toán chi tiết tăng giảm tài sản.

Từ đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty như trên, đòi hỏi công tác tổ chức bộ máy kế toán phải phù hợp toàn bộ công tác kế toán được thực hiện tại phòng kế toán tài chính của Công ty. Chức năng của phòng là giúp cho Giám đốc quản lý tài chính của Công ty.

2.1.3.2. *Hình thức ghi sổ kế toán và các chính sách, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.*

❖ **Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty**

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất kinh doanh, căn cứ vào trình độ của nhân viên kế toán cũng như yêu cầu quản lý, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” (Sơ đồ 2.3).



Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại công ty

Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- ====> : Ghi cuối tháng
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra

➤ Căn cứ vào các chứng từ được dùng để ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

➤ Đến cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng toàn bộ số liệu trên Sổ Cái và lập Bảng cân đối số phát sinh.

➤ Sau khi đã kiểm tra đối chiếu, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

➤ Theo nguyên tắc, tổng số phát sinh bên Nợ và tổng số phát sinh bên Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh bên Nợ và tổng số phát sinh bên Có của sổ Nhật ký chung trong kỳ.

❖ **Các chính sách, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty**

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty đã áp dụng thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 cho năm 2015 và áp dụng quyết định số 15/2006-QĐ-BTC cho những năm trước.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Tiền Việt Nam (VNĐ)
- Kỳ kế toán: từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân liên hoàn
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao: theo phương pháp đường thẳng.

2.2. Thực tế công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

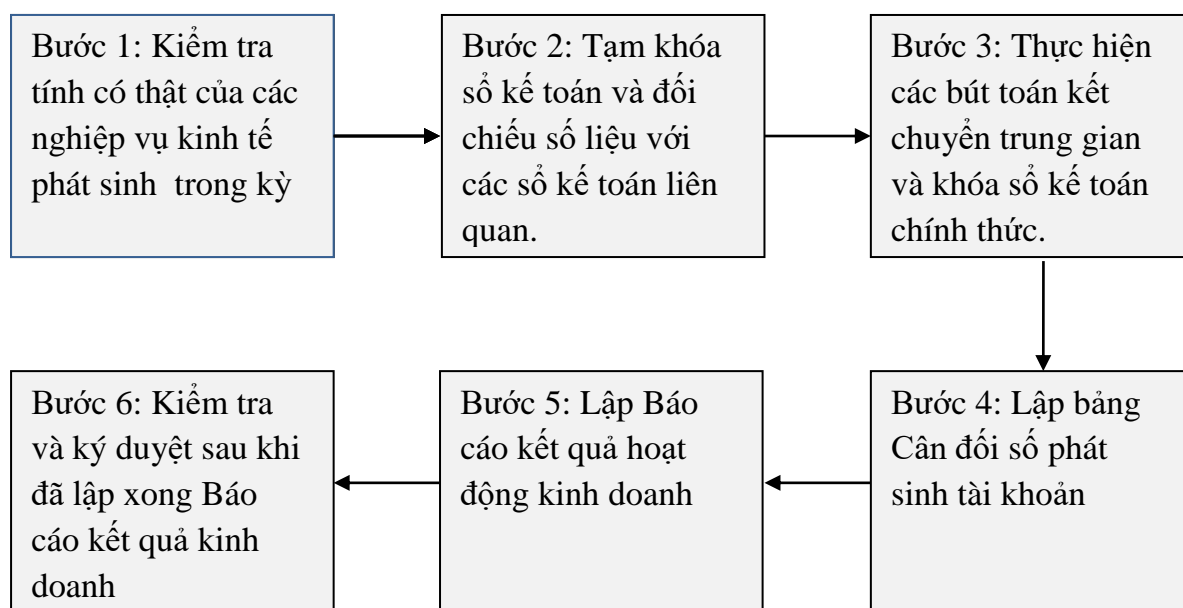
2.2.1. Căn cứ lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

- Căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước
- Căn cứ vào Sổ cái, sổ kế toán chi tiết của các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 trong năm.

2.2.2. Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

2.2.2.1. Quy trình lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

Quy trình lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm các bước sau (sơ đồ 2.4):



Sơ đồ 2.4: Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty

2.2.2.2. Nội dung lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

➤ **Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.**

Tại Công ty, kế toán tiến hành định kỳ việc kiểm tra tính có thật của các số liệu trong chứng từ gốc và nhật ký chung (NKC) khi có phát sinh các nghiệp vụ kế toán. Trình tự việc kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được thực hiện theo như sau:

- Đầu tiên, kế toán sắp xếp chứng từ theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế của từng nghiệp vụ phát sinh, căn cứ theo số hiệu tăng dần để sắp xếp.

- Kế toán tiếp tục tiến hành kiểm tra và đối chiếu các chứng từ của nghiệp vụ kinh tế phát sinh với nội dung đã được phản ánh trên sổ Nhật ký chung bao gồm: ngày tháng năm, số hiệu chứng từ, nội dung kinh tế, quan hệ đối ứng của từng tài khoản và số tiền.

- Kế toán tiếp tục kiểm tra, đối chiếu số liệu trong từng chứng từ và số liệu nghiệp vụ phát sinh trong sổ kế toán có phù hợp với nhau không.

- Cuối cùng, nếu phát hiện có sai sót kế toán lập tức tiến hành xử lý và điều chỉnh kịp thời theo đúng quy định và theo đúng chuẩn mực kế toán.

Ví dụ 1: Kế toán kiểm tra nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày 30/10/2015: Quyết toán công trình Khu vui chơi và phòng học trường Mần non Sao Biển đợt 2. Tổng tiền là : 4.129.500.830đ.

Kế toán tiến hành sắp xếp các chứng từ Hóa đơn GTGT biểu số 2.1 để đối chiếu và kiểm tra tính có thật và tính đầy đủ của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Kế toán sẽ đối chiếu lại chi tiết thông tin cũng như các số liệu, tài khoản liên quan trong các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó phát hiện được những sai sót để điều chỉnh kịp thời trên Sổ nhật ký chung biểu số 2.2, sổ cái 131 biểu số 2.4, sổ cái 511 biểu số 2.3.

- Hóa đơn GTGT số 0012348 (biểu số 2.1)
- Sổ nhật ký chung (biểu số 2.2)
- Sổ cái TK 511(biểu số 2.3)
- Sổ cái TK 131(biểu số 2.4)

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0012348

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		<i>Mẫu số:01GTKT3/001</i>			
<i>Liên 3: Nội bộ</i>		<i>Ký hiệu:AA/14P</i>			
<i>Ngày 30 tháng 10 năm 2015</i>		<i>Số:0012348</i>			
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG					
Mã số thuế	:0200129748				
Địa chỉ	: Số 40 Đinh Tiên Hoàng – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng				
Điện thoại	: 031.3745255				
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị : Trường Mầm non Sao Biển					
Địa chỉ: Số 27 Lê Lợi – Phường Máy Tơ – Quận Ngô Quyền – Hải Phòng					
Mã số thuế : 0201654926					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Giá trị khối lượng hoàn thành gói thầu: Khu vui chơi và phòng học trường Mầm non Sao Biển theo HĐ số 19/2014/HĐXD – MNSB Lần 2				3.754.091.664
Cộng tiền hàng					3.754.091.664
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		375.409.166	
Tổng cộng tiền thanh toán					4.129.500.830
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn tỷ, một trăm hai mươi chín triệu, năm trăm ngàn, tám trăm ba mươi đồng./.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)</i>					

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính - kế toán công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.)

Biểu số 2.2 : Trích trang Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ: 40 Đinh Tiên Hoàng – HB - HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

ĐVT : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
19/10	PC 241	19/10	Chi bà Giang tiền công chứng tài liệu, chuyển phát nhanh	6428 1111	416.000	416.000
20/10	PC242 HĐGTGT 1601	20/10	Mua văn phòng phẩm cho phòng kế toán	6423 133 1111	720.000 72.000	792.000
.....		
21/10	PT 221	21/10	Rút tiền nhập quỹ	1111 1121	27.000.000	27.000.000
.....
30/10	BTGT 07	30/10	Giá vốn công trình Mầm non Sao Biển đợt 2	632 154	3.856.808.914	3.856.808.914
30/10	HĐ12348	30/10	Doanh thu công trình Mầm non Sao Biển đợt 2	131 511 3331	4.129.500.830	3.754.091.664 375.409.166
31/10	PC 256	31/10	Nộp tiền điện thoại cho cơ quan T9/2015	6427 133 1111	684.500 68.450	752.950
.....
			Cộng chuyển trang sau			
.....
			Tổng cộng		675.913.847.687	675.913.847.687

- Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính - kế toán công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.)

Biểu số 2.3: Trích trang Sổ cái 511

Mẫu số S03b-DN

Đơn vị: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC

Địa chỉ: 40 Đinh Tiên Hoàng – HB - HP

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm 2015**

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
28/09	HĐ11532	28/09	Quyết toán Công trình nhà khách Hải Quân	131		258.140.300
.....
26/10	HĐ12259	25/10	Doanh thu từ công trình Sở Điện lực Hồng Bàng	131		983.047.976
.....
30/10	HĐ12348	30/10	Doanh thu công trình Mầm non Sao Biển đợt 2	131		3.754.091.664
.....
28/11	HĐ13296	29/11	Doanh thu công trình Nhà văn hóa huyện An Lão	131		454.192.900
.....
			Số phát sinh		73.715.505.684	73.715.505.684
			Dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính - kế toán công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.)

Biểu số 2.4 : Trích trang Sổ cái TK 131

Mẫu số S03b-DN

Đơn vị: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ: 40 Đinh Tiên Hoàng – HB - HP(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI****Năm 2015**

Tên tài khoản : Phải thu của khách hàng

Số hiệu : 131

DVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		8.560.092.215	
.....
28/09	HĐ11532	28/09	Thu từ Công trình nhà khách Hải Quân	511, 3331	258.140.300	
29/9	HĐ11701	29/9	Công ty Hải Nam tạm ứng trước tiền công trình	1121		49.514.080
.....
30/10	HĐ12348	30/10	Trường Mầm non Sao Biển thanh toán đợt 2	511, 3331	4.129.500.830	
.....
28/11	HĐ13296	29/11	Doanh thu công trình Nhà văn hóa huyện An Lão	511, 3331	454.192.900	
.....
			Số phát sinh		42.534.736.228	36.268.900.208
			Dư cuối kỳ		14.825.928.235	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính - kế toán công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.)

➤ Bước 2 : Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán

Kế toán sau khi đã kiểm tra tính có thật và tính chính xác của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ, thì tiếp tục thực hiện công tác khóa sổ tạm thời để xác định số phát sinh, số dư trên sổ cái và đối chiếu số liệu trên sổ với bảng tổng hợp chi tiết như: sổ cái 131 với bảng tổng hợp chi tiết người mua người bán,... Trong quá trình kiểm tra, đối chiếu có phát hiện sai sót thì kịp thời sửa chữa điều chỉnh số liệu.

Ví dụ 2: Kế toán đối chiếu kiểm tra sổ cái 131 với bảng tổng hợp chi tiết TK 131

- Bảng tổng hợp chi tiết TK 131 (Biểu số 2.5)

Biểu số 2.5 : Trích trang Bảng tổng hợp chi tiết TK 131

Đơn vị: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 40 Đinh Tiên Hoàng – HB - HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu TK: 131

ĐVT: VNĐ

Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
.....
131HQ	Nhà khách Hải Quân	-		258.140.300		258.140.300	
131SB	Trường Mầm non Sao Biển	139.456.700		4.129.500.830	550.100.000	3.718.857.530	
131AL	Nhà văn hóa huyện Ân Lão	-		454.192.900		454.192.900	
.....
	CỘNG	8.560.092.215		42.534.736.228	36.268.900.208	14.825.928.235	

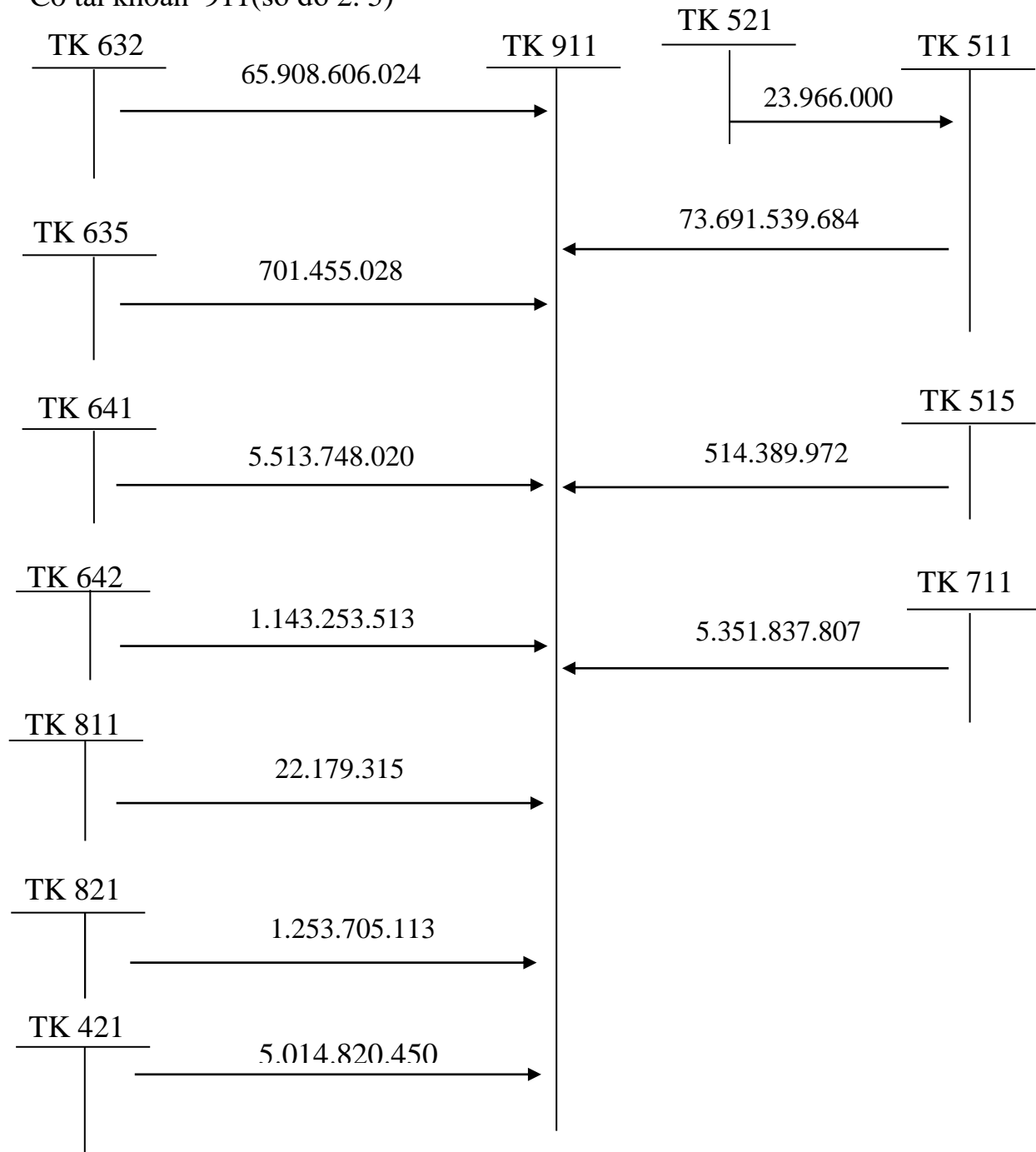
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính - kế toán công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng

➤ Bước 3 : Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và khóa sổ kế toán chính thức

Công ty tiếp tục tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và xác định kết quả kinh doanh. Các tài khoản phản ánh chi phí được kết chuyển vào bên Nợ tài khoản 911, các tài khoản doanh thu, thu nhập khác được kết chuyển vào bên Có tài khoản 911 (sơ đồ 2.5)



Sơ đồ 2.5 : Xác định kết quả kinh doanh của công ty

➤ Bước 4 : Lập Bảng cân đối số phát sinh tài khoản

Tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng, việc lập bảng cân đối phát sinh tài khoản được căn cứ vào số liệu sau khi đã khóa sổ kế toán, lập đúng nội dung và phương pháp cũng như cách trình bày nhất quán giữa kỳ các kế toán. Với nguyên tắc:

- Tổng số dư Nợ của các tài khoản phải bằng tổng số dư Có của các tài khoản.

- Tổng số phát sinh Nợ của các tài khoản phải bằng tổng số phát sinh Có của các tài khoản.

Bảng cân đối phát sinh tài khoản được lập ra để kiểm tra các bút toán ghi trong hệ thống sổ sách đã được phản ánh đầy đủ vào sổ cái các TK hay chưa.

❖ Cách lập các chỉ tiêu trong bảng cân đối số phát sinh tài khoản như sau:

- *Cột A (Số hiệu tài khoản)*: Cột này ghi số hiệu của từng tài khoản doanh nghiệp sử dụng trong năm báo cáo.

- *Cột B (Tên tài khoản)*: Ghi tên tài khoản của tất cả các TK từ loại 1 đến loại 9. Mỗi TK ghi một dòng, ghi từ TK có số hiệu nhỏ đến số hiệu lớn.

- *Cột 1,2 (Số dư đầu năm)*: Dùng để phản ánh số dư Nợ đầu năm, số dư Có đầu năm theo từng tài khoản, số liệu được lấy từ dòng Số dư đầu kỳ trên sổ cái.

✓ Tài khoản số dư bên Nợ thì ghi vào cột “Nợ”

✓ Tài khoản số dư bên Có thì ghi vào cột “Có”

- *Cột 3,4 (Số phát sinh trong năm)*: Phản ánh số phát sinh bên Nợ số phát sinh bên Có của từng TK tương ứng trong năm báo cáo.

✓ Tài khoản số phát sinh Nợ thì ghi vào cột “Nợ”

✓ Tài khoản số phát sinh Có thì ghi vào cột “Có”

Số liệu ghi vào cột 3, cột 4 được căn cứ vào tổng phát sinh bên Nợ và tổng phát sinh bên Có của mỗi tài khoản trên sổ cái trong năm báo cáo.

- *Cột 5,6 (Số dư cuối kỳ)*: Phản ánh số dư Nợ cuối năm, số dư Có cuối năm theo mỗi tài khoản. Số liệu được căn cứ vào dòng Số dư cuối kỳ trên sổ cái.

Ví dụ 3: Cách lập chỉ tiêu Phải thu của khách hàng - Số hiệu TK131 trên bảng Cân đối phát sinh tài khoản năm 2015 của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

Căn cứ vào sổ cái TK 131 (biểu 2.4), kế toán lập chỉ tiêu “Phải thu khách hàng” trên Bảng cân đối số phát sinh như sau:

- Cột “Số hiệu tài khoản” là 131
- Cột “Tên tài khoản” là Phải thu khách hàng
- Cột “Số dư đầu năm” Số liệu dùng để ghi vào cột Số dư đầu năm TK 131 là số dư đầu năm trên sổ cái TK 131 số tiền là 8.560.092.215 đồng.
- Cột “Số phát sinh bên Nợ” : Số liệu dùng để ghi vào cột Nợ căn cứ vào dòng “Cộng phát sinh” bên Nợ của sổ cái 131, số tiền là 42.534.736.228 đồng.
- Cột “Số phát sinh bên Có” : Số liệu dùng để ghi vào cột Có căn cứ vào dòng “Cộng phát sinh” bên Có của sổ cái 131, số tiền là 36.268.900.208 đồng.
- Cột “Số dư cuối năm” : Số liệu dùng để ghi vào cột Số dư cuối năm TK 131 căn cứ vào dòng “Số dư cuối năm” cột Nợ trên sổ cái 131, số tiền là 14.825.928.235 đồng.

Với các tài khoản khác trên Bảng cân đối số phát sinh cũng được lập tương tự.

Dưới đây là Bảng cân đối số phát sinh của công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng (biểu 2.6)

Biểu số 2.6: Trích Bảng cân đối số phát sinh

Đơn vị: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ: 40 Đinh Tiên Hoàng – HB - HP

Mẫu số S06-DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Năm 2015

ĐVT: VNĐ

SHTK	Tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	Tiền mặt – Tiền Việt	849.756.146		62.405.984.579	62.906.087.903	349.652.822	
112	Tiền gửi Ngân hàng	1.325.897.363		72.466.351.863	71.687.019.014	2.105.230.212	
128	Đầu tư ngắn hạn khác	-		3.500.000.000	-	3.500.000.000	
131	Phải thu khách hàng	8.560.092.215		42.534.736.228	36.268.900.208	14.825.928.235	
133	Thuế GTGT	239.797.746		6.533.270.561	6.605.223.796	167.844.511	
136	Phải thu nội bộ	1.856.667.340		-	-	1.856.667.340	
138	Phải thu khác	7.585.801.002		7.224.283.052	7.240.766.800	7.569.317.254	
141	Tạm ứng	4.125.833.263		250.466.520	291.626.520	4.084.653.263	
142	Chi phí trả trước	504.480.220		677.320.428	588.145.739	593.654.909	
144	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.829.750		-	-	50.829.750	
152	Nguyên liệu, vật liệu	374.498.298		4.199.445.927	4.262.741.165	311.203.060	
153	Công cụ, dụng cụ	73.264.780		21.254.546	-	94.519.326	
154	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.639.929.446		66.081.860.562	65.908.606.024	8.813.183.984	
211	TSCĐ	4.219.271.801		-	113.617.523	4.105.654.278	
214	Hao mòn TSCĐ		1.760.183.013	108.646.758	167.781.116		1.819.317.371
223	Đầu tư vào công ty con liên kết	-		3.618.000.000	3.618.000.000	-	
242	Chi phí trả trước dài hạn	65.917.033		6.050.000	7.089.000	64.878.033	
311	Vay ngắn hạn		10.887.349.824	4.486.000.000	5.132.000.000		11.533.349.824
331	Phải trả người bán		7.790.009.405	66.413.717.515	69.505.434.427		10.881.726.317
333	Thuế phải nộp		929.095.717	8.498.594.568	8.491.487.890		921.989.039
334	Phải trả lao động		77.452.935	20.294.566.065	20.395.683.065		178.569.935

335	Chi phí phải trả		685.846.708	-	-		685.846.708
338	Phải trả phải nộp khác		17.824.725.651	6.798.131.444	7.913.649.976		18.940.244.183
344	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		6.000.000	2.500.000	2.500.000		6.000.000
351	Quỹ DP trợ cấp mất việc làm		24.634.680	4.392.570	4.392.570		24.634.680
411	Nguồn vốn kinh doanh		6.800.000.000	-	-		6.800.000.000
412	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	449.511.662		-	-	449.511.662	
414	Quỹ đầu tư phát triển		2.844.138	-	-		2.844.138
421	Lợi nhuận chưa phân phối	7.867.845.294			5.014.820.450	2.853.024.844	
441	Nguồn vốn đầu tư XDCB		1.251.288	-	-		1.251.288
511	Doanh thu bán hàng			73.715.505.684	73.715.505.684		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			514.389.972	514.389.972		
521	Chiết khấu thương mại			23.966.000	23.966.000		
621	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp			26.432.744.225	26.432.744.225		
622	Chi phí nhân công trực tiếp			16.520.465.141	16.520.465.141		
623	Chi phí sử dụng máy thi công			3.304.093.028	3.304.093.028		
627	Chi phí sản xuất chung			19.824.558.169	19.824.558.169		
632	Giá vốn hàng bán			65.908.606.024	65.908.606.024		
635	Chi phí tài chính			701.455.028	701.455.028		
641	Chi phí bán hàng			5.513.748.020	5.513.748.020		
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			1.143.253.513	1.143.253.513		
711	Thu nhập khác			5.351.837.807	5.351.837.807		
811	Chi phí khác			22.179.315	22.179.315		
821	Chi phí thuế TNDN hiện hành			1.253.705.113	1.253.705.113		
911	Xác định kết quả kinh doanh			79.557.767.463	79.557.767.463		
	Tổng cộng	46.789.393.359	46.789.393.359	675.913.847.687	675.913.847.687	51.795.773.483	51.795.773.483

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính - kế toán công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.)

➤ Bước 5: Lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm có 5 cột:

*Cột 1 “Chỉ tiêu” : Tên của các chỉ tiêu báo cáo.

*Cột 2 “Mã số” : Mã số tương ứng của các chỉ tiêu.

*Cột 3 “Thuyết minh” : Số hiệu tương ứng của các chỉ tiêu này được thể hiện trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

*Cột 4 “Năm nay”: Số liệu được căn cứ từ số cái các TK từ loại 5 đến loại 9 năm 2015 để lập.

*Cột 5 “Năm trước” : Kế toán căn cứ vào BCKQHĐKD năm 2014 để ghi vào cột này.

Nội dung các chỉ tiêu ở cột 4 “Năm nay” như sau:

✓ Mã 01 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” năm 2015

Số tiền là: 73.715.505.648 đồng.

✓ Mã 02 - Các khoản giảm trừ doanh thu:

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có của tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu” đối ứng với Nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” năm 2015.

Số tiền là: 23.966.000 đồng.

✓ Mã 10 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:

$$\text{Mã 10} = \text{Mã 01} - \text{Mã 02}$$

Số tiền là: $73.715.505.648 - 23.966.000 = 73.691.539.648$ đồng.

✓ Mã 11 - Giá vốn hàng bán :

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán” trong kỳ báo cáo đối ứng Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” năm 2015.

Số tiền là: 65.908.606.024 đồng.

✓ Mã 20 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:

$$\text{Mã số 20} = \text{Mã số 10} - \text{Mã số 11.}$$

Số tiền là: $73.691.539.648 - 65.908.606.024 = 7.782.933.660$ đồng.

✓ Mã 21 - Doanh thu hoạt động tài chính:

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Nợ tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” đối ứng với Có tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” năm 2015.

Số tiền là: 514.389.972 đồng.

✓ Mã 22 - Chi phí tài chính:

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 635 “Chi phí tài chính” đối ứng với Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” năm 2015.

Số tiền là: 701.455.028 đồng.

✓ Mã 23 - Chi phí lãi vay :

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào Sổ kế toán chi tiết TK 635 năm 2015

Số tiền lãi vay là: 701.455.028 đồng.

✓ Mã 25 - Chi phí bán hàng :

Số liệu của chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”, đối ứng với Nợ của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm 2015.

Số tiền là: 5.513.748.020 đồng.

✓ Mã 26 - Chi phí quản lý doanh nghiệp :

Số liệu của chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”, đối ứng với Nợ của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” năm 2015

Số tiền là: 1.143.253.513 đồng.

✓ Mã 30 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:

$$\text{Mã 30} = \text{Mã 20} + (\text{Mã 21} - \text{Mã 22}) - \text{Mã 25} - \text{Mã 26}.$$

Số tiền là:

7.782.933.660 + (514.389.972 - 701.455.028) - 5.513.748.020 - 1.143.253.513 = 938.867.071 đồng.

✓ Mã 31 - Thu nhập khác :

Số liệu của chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh Nợ của tài khoản 711 “Thu nhập khác” đối ứng với Có của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm 2015.

Số tiền là: 5.351.837.807 đồng.

✓ Mã 32 - Chi phí khác :

Số liệu của chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh Có của tài khoản 811 “Chi phí khác” đối ứng với Nợ của Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm 2015.

Số tiền là: 22.179.315 đồng.

✓ Mã 40 - Lợi nhuận khác :

$$\text{Mã số 40} = \text{Mã số 31} - \text{Mã số 32.}$$

Số tiền là: $5.351.837.807 - 22.179.315 = 5.329.658.492$ đồng.

✓ Mã 50 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:

$$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40.}$$

Số tiền là: $938.867.071 + 5.329.658.492 = 6.268.525.563$ đồng.

✓ Mã 51 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành :

Số liệu của chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của tài khoản 8211 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” đối ứng với Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 8211 năm 2015. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mà công ty áp dụng năm 2015 là 20%.

Số tiền là: 1.253.705.113 đồng.

✓ Mã 52 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Số liệu của chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh Có của tài khoản 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” đối ứng với Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 8212 năm 2015

Công ty không phát sinh mã này. **Số tiền là 0 đồng**

✓ Mã 60 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$\text{Mã 60} = \text{Mã 50} - \text{Mã 51} - \text{Mã 52}$$

Số tiền là: $6.268.525.563 - 1.253.705.113 = 5.014.820.450$ đồng.

✓ Mã số 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

Năm 2015, công ty không tính chỉ tiêu này.

✓ Mã 71 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu :

Năm 2015, công ty không tính chỉ tiêu này.

➤ Từ các số liệu trên, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng đã được lập theo biểu dưới đây (biểu số 2.7)

Biểu số 2.7: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 tại công ty.CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
Số 40 Đinh Tiên Hoàng – HB - HP*Mẫu số B 02 – DN*
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính***BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Năm 2015**Đơn vị tính:**VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	73.715.505.684	60.410.747.127
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.966.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		73.691.539.684	60.410.747.127
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	65.908.606.024	55.105.975.756
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.782.933.660	5.304.771.371
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	514.389.972	60.720.723
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	701.455.028	452.309.818
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		701.455.028	452.309.818
8. Chi phí bán hàng	25		5.513.748.020	3.310.117.182
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.143.253.513	1.457.903.467
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		938.867.071	145.161.627
11. Thu nhập khác	31		5.351.837.807	46.935.312
12. Chi phí khác	32		22.179.315	17.657.196
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.329.658.492	29.278.116
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.268.525.563	174.439.743
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1.253.705.113	34.887.949
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.014.820.450	139.551.794
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

*Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2016***Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng**
*(Ký, họ tên)***Giám đốc**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng tài chính - kế toán công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.)*

➤ Bước 6 : Kiểm tra và ký duyệt sau khi đã lập xong Báo cáo kết quả kinh doanh

Sau khi lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán trưởng cùng với người lập phải kiểm tra lại lần nữa để đảm bảo tính đầy đủ và chính xác, sau đó mới được in ra và ký duyệt. Sau cùng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các báo cáo tài chính khác sẽ được kế toán trưởng trình lên cho Giám đốc xem xét và ký duyệt.

Như vậy, công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng đã được hoàn thành.

2.3. Thực tế công tác phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

Sau khi kiểm tra tính chính xác của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng không tiến hành phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CHƯƠNG 3

**MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP
VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG HẢI PHÒNG****3.1. Một số định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng**

Việt Nam trong những năm gần đây, do nhu cầu cũng như yêu cầu của người dân tăng cao, ngành xây dựng đã có những chuyển biến mạnh mẽ, được kỳ vọng sẽ trở lại là một ngành tiềm năng và đem lại nguồn lợi kinh tế. Song bên cạnh đó, các doanh nghiệp xây dựng vẫn gặp phải những khó khăn trong việc tìm ra những kế hoạch phát triển bền vững, đồng thời tìm cách tiếp cận được với các mô hình quản lý hiện đại và hiệu quả cũng như ứng dụng được các thành tựu công nghệ vào trong lĩnh vực xây dựng. Nhận thức rõ được khó khăn, thách thức cũng như tiềm năng phát triển đó, Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng đã hoạch định những bước đi cụ thể nhằm phát triển bền vững, nâng cao sức cạnh tranh cũng như thương hiệu của công ty:

Công ty sẽ đổi mới công nghệ, các máy móc thiết bị cũ sẽ được thay thế bằng các thiết bị công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng công trình.

Công ty sẽ tìm ra các giải pháp để giảm chi phí, tiết kiệm trong quản lý xây dựng nhằm hạ giá thành nhưng vẫn đảm bảo chất lượng cho công trình, để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Bên cạnh đó, công ty cũng đẩy mạnh việc quan tâm, chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho họ. Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu, văn nghệ cũng như các hoạt động ngoài trời để gắn kết các đoàn thể trong công ty.

Công ty sẽ có những chính sách thu hút nhân tài, nguồn lao động có trình độ, tay nghề cao. Thường xuyên rà soát, sàng lọc, đẩy mạnh nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên để nâng cao chất lượng cả về chuyên môn cũng như ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm.

Mở rộng hoạt động sản xuất nhằm tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người lao động của địa phương cũng như người lao động ở các vùng lân cận. Công ty sẽ đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, hoàn thành các khoản phải đóng trong thời hạn quy định. Thường xuyên vận động và

tổ chức cho các cán bộ công nhân viên công ty tham gia vào các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa.

3.2. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng

3.2.1. Ưu điểm về công tác kế toán nói chung và công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng

❖ Về tổ chức bộ máy quản lý

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty thực sự đã đem lại những hiệu quả cao trong việc tham mưu và giúp đỡ cho giám đốc trong mọi hoạt động, giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được các quyết định đúng đắn và hiệu quả.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bên cạnh đó, công ty đã xây dựng được bộ máy kế toán khoa học và có hiệu quả dựa vào tính chất, đặc điểm của ngành nghề.

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng đã tổ chức bộ máy kế toán tương đối chặt chẽ với các cán bộ có năng lực, nhiệt tình trung thực, tinh thần trách nhiệm cao, góp phần vào công việc quản lý Công ty và xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, phương pháp hạch toán khoa học, rõ ràng tạo nên hiệu quả cao trong công việc.

Mỗi nhân viên kế toán trong công ty đều phải chịu trách nhiệm một hoặc một số phần hành kế toán, song tất cả đó đều nằm dưới sự chỉ đạo tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Bản thân mỗi cán bộ kế toán đều ý thức được trọng trách của mình đối với công ty và công việc được giao phó, luôn đề cao tinh thần và trách nhiệm của từng cá nhân trong công việc để đem lại năng suất cũng như hiệu quả cao trong công việc. Chính điều này đã góp phần giúp cho công tác kế toán tại công ty giảm bớt phần nào những sai sót do nhầm lẫn hoặc gian lận, giúp cho việc quản lý được minh bạch và rõ ràng hơn.

❖ Về hình thức sổ sách kế toán, chứng từ, phương pháp hạch toán tại công ty

Sổ sách kế toán tại công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức sổ sách đơn giản và dễ theo dõi cũng như quản lý.

Cách thức ghi chép và phương pháp hạch toán khoa học, hợp lý phù hợp với những yêu cầu, tiêu chuẩn và nguyên tắc của chuẩn mực kế toán.

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng đã cập nhật và vận dụng chế độ kế toán doanh nghiệp một cách linh hoạt và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành xây dựng. Hiện tại công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Hệ thống chứng từ, biểu mẫu, sổ sách kế toán được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với yêu cầu, mục đích của chế độ kế toán, tổ chức công tác kế toán tài chính hiệu quả đã giúp giảm bớt được khối lượng công việc kế toán, đồng thời đáp ứng được đầy đủ thông tin cần thiết đối với yêu cầu quản lý của công ty và các đối tượng khác có liên quan.

Công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của BTC, các chứng từ được kiểm tra luân chuyển một cách thường xuyên và phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ Về công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công tác lập báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty dựa trên chế độ kế toán của thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Kế toán tổng hợp số liệu một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời giúp cho việc lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được hiệu quả.

Các chứng từ được kiểm tra, đối chiếu chặt chẽ, để đảm bảo sự chính xác về nội dung và số liệu, đảm bảo tính có thật cho sổ sách và BCTC

3.2.2. Hạn chế về công tác kế toán nói chung và công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng

● Về hệ thống và luân chuyển chứng từ kế toán

Do công ty hoạt động trên địa bàn rộng, thường xuyên phải qua lại giữa các công trình thi công ở khắp các địa phương, các tỉnh thành cho nên việc luân chuyển chứng từ đôi khi còn chậm trễ do một số lý do như khoảng cách địa lý, điều kiện vận chuyển,... dễ dẫn đến khối lượng công việc dồn vào cuối kỳ kế toán.

Bên cạnh đó, công ty chưa mở sổ chi tiết tài khoản cho một số tài khoản như 511, 632 để theo dõi được doanh thu cũng như giá vốn của từng công trình để có thể theo dõi và xác định lãi lỗ của từng công trình xây dựng, từ đó có thể đưa ra được các quyết định cụ thể, phù hợp và kịp thời.

● Về việc áp dụng kế toán máy trong công tác kế toán.

Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán mà chỉ mới sử dụng phần mềm excel, cũng như ghi chép thủ công các nghiệp vụ phát sinh, điều đó dễ dẫn đến việc lặp lại gây khó quản lý hơn và phải phụ thuộc rất nhiều vào trình độ tay nghề cũng như năng lực của kế toán viên. Chính vì thế, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy để có thể đáp ứng được những nhu cầu và hạn chế được những sai sót trong việc quản lý sổ sách, các chứng từ dễ kiểm tra, xác minh và không bị nhầm lẫn cũng như đỡ tốn công sức của kế toán viên.

● *Về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Kế toán trưởng là người trực tiếp kiểm tra, đối chiếu sổ sách để đảm bảo sổ sách chính xác, trung thực trong quá trình lập báo cáo tài chính nói chung và lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng nên không thể đi sâu vào phân tích bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chính vì thế có thể dẫn đến việc công ty không thấy được hết thực lực tài chính cũng như nguy cơ tiềm ẩn hay những xu hướng biến động gây ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh và các quyết định kinh tế trong tương lai. Chính những điều này đã gây khó khăn cho công ty trong việc quản lý tài chính cũng như kiếm tìm các giải pháp tăng hiệu quả kinh tế của công ty.

3.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng

Dựa vào những ưu điểm cũng như những hạn chế còn tồn tại trong công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng, cùng với những kiến thức đã học cũng như được các thầy cô chỉ dạy, em xin đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng như sau:

3.3.1. Ý kiến thứ nhất: Công ty nên nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán

Phòng Tài chính kế toán của công ty hiện tại có 4 nhân viên kế toán gồm: 3 kế toán bộ phận và 1 kế toán trưởng. Xét về khả năng lập và phân tích BCTC nói chung và BCKQHĐKD nói riêng, ngoại trừ kế toán trưởng thì hầu hết các nhân viên chưa có khả năng lập một cách thuận thực và chính xác. Vì thế, công ty cần nâng cao, trau dồi thêm trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên phòng tài chính- kế toán, ví dụ như: cử nhân viên đi học các lớp bồi dưỡng

chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu, tăng cường giao lưu học hỏi kinh nghiệm làm việc giữa các nhân viên nhằm nâng cao hiệu quả làm việc,... Từ đó có thể nâng cao trình độ để nhân viên kế toán có đủ khả năng lập và phân tích BCTC hỗ trợ cho kế toán trưởng, giúp cho công tác kế toán được tiến hành nhanh chóng, thuận lợi và chính xác hơn.

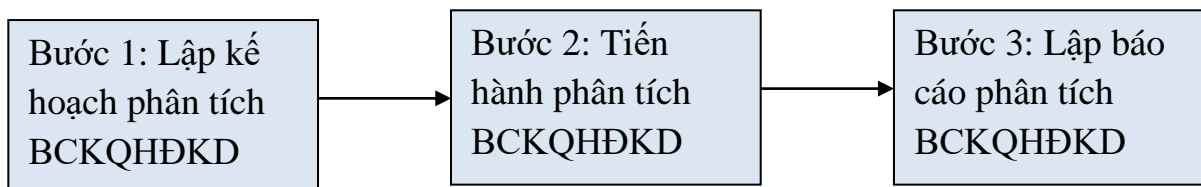
3.3.2. Ý kiến thứ hai: Công ty nên tiến hành phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Hiện nay công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng chưa tiến hành phân tích Báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng.

Việc phân tích tài chính là điều cần thiết đối với mỗi công ty. Vì thông qua đó tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty được trình bày một cách đầy đủ và rõ ràng. Nhờ đó, công ty có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, hợp lý, giúp cho việc quản lý cũng như kinh doanh thuận lợi và ổn định hơn.

Theo như đề xuất cá nhân của em thông qua những gì đã được học cùng với sự hướng dẫn của thầy cô, công ty có thể tiến hành phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo những bước sau:

3.3.2.1. Xây dựng quy trình phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh



Sơ đồ 3.1 : Trình tự phân tích BCKQHĐKD

❖ Bước 1 : Lập kế hoạch phân tích BCKQHĐKD

Cần phải đi vào phân tích rõ ràng từng mục tiêu vì cách thức ở từng mục tiêu là khác nhau:

- ✓ Xác định các chỉ tiêu cần phân tích trong báo cáo
- ✓ Xác định khoảng thời gian chỉ tiêu đó bắt đầu phát sinh và khi hoàn thành
- ✓ Xác định khoảng thời gian bắt đầu phân tích và khi kết thúc quá trình phân tích
- ✓ Xác định chi phí cần thiết và người thực hiện công việc phân tích báo cáo.

❖ Bước 2: Tiến hành phân tích BCKQHĐKD.

Công việc phân tích ngoài dựa vào các số liệu đã thu thập được, còn nên tham khảo số liệu kế hoạch cũng như sự thâm số liệu của ngành, lĩnh vực để việc phân tích được sâu hơn, cũng như phải chú trọng đến những chỉ tiêu có sự thay đổi rõ nét, những chỉ tiêu quan trọng. Sau khi đã tính toán xong, cần phải xác định và lập bảng tiêu đề cho các chỉ tiêu cùng với phương pháp hợp lý để phân tích, cuối cùng đó là lập bảng đánh giá tổng hợp.

❖ Bước 3: Lập báo cáo phân tích BCKQHĐKD.

Báo cáo phân tích là bảng tổng hợp những kết quả tính toán đồng thời phân tích các chỉ tiêu tài chính có trong BCKQHĐKD.

Thông qua số liệu các chỉ tiêu để đánh giá về công tác quản lý, tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh của công ty. Qua đó có thể đánh giá được ưu điểm và nhược điểm, để từ đó đưa ra được những giải pháp cụ thể để hạn chế cũng như có thể khai thác hơn nữa những mặt mạnh trong tương lai xa.

Từ việc đánh giá được điểm mạnh cũng như điểm yếu, công ty cần đề ra những phương hướng giải pháp cụ thể để đổi mới, góp phần nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Những giải pháp, định hướng trong thời gian tới cần được cụ thể hóa chi tiết trong các chỉ tiêu của báo cáo tài chính.

3.3.2.2. Tiến hành phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**❖ Phân tích theo chiều ngang.**

Tiến hành phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang như bảng dưới đây (Bảng 3.1)

Bảng 3.1 : Phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014	So sánh +/-	
			Số tiền	Tỷ lệ %
1. Doanh thu BH &CC DV	73.715.505.684	60.410.747.127	+13.304.758.557	+22,02%
2. Các khoản giảm trừ DT	23.966.000	0	23.966.000	
3. Doanh thu thuần về BH&CCDV	73.691.539.684	60.410.747.127	+13.280.792.557	+21,98%
4. Giá vốn hàng bán	65.908.606.024	55.105.975.756	+10.802.630.268	+19,60%
5. Lợi nhuận gộp về BH&CCDV	7.782.933.660	5.304.771.371	+2.478.162.289	+46,72 %
6. Doanh thu HĐTC	514.389.972	60.720.723	+453.669.249	+747%
7. Chi phí tài chính	701.455.028	452.309.818	+249.145.210	+55,08%
Trong đó : CP lãi vay	701.455.028	452.309.818	+249.145.210	+55,08%
8. Chi phí bán hàng	5.513.748.020	3.310.117.182	+2.203.630.838	+66,57%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.143.253.513	1.457.903.467	- 314.649.954	-21,58%
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	938.867.071	145.161.627	+793.705.444	+547%
11. Thu nhập khác	5.351.837.807	46.935.312	+5.304.902.495	+11303%
12. Chi phí khác	22.179.315	17.657.196	+4.522.119	+25,61%
13. Lợi nhuận khác	5.329.658.492	29.278.116	+5.300.380.376	+18104%
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.268.525.563	174.439.743	+6.094.085.820	+3494%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.253.705.113	34.887.949	+1.218.817.164	+3494%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế	5.014.820.450	139.551.794	+4.875.268.656	+3494%

➤ Thông qua số liệu phân tích ta nhận thấy :

● Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2015 so với năm 2014 tăng: 13.304.758.557 đồng, tương đương với tỷ lệ tăng 22,02%. Có thể coi đây là một dấu hiệu tốt cho công ty. Trong năm 2015, công ty đã phải trải qua không ít khó khăn do tình trạng trì trệ của ngành xây dựng, tuy vậy công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh doanh và đã đạt được những bước tiến đáng khích lệ. Trong thời gian tới, công ty cần tiếp tục phát huy, sáng tạo, đưa ra những biện pháp lâu dài để phát triển bền vững và ổn định hơn.

● Giá vốn hàng bán trong năm 2015 tăng so với năm 2014 là 10.802.630.268 đồng, tương đương với tỷ lệ tăng 19,6%. Việc doanh thu tăng lên biểu hiện cho số lượng công trình thi công trên thị trường tăng theo. Tuy giá vốn hàng bán tăng khá cao (19,6%) nhưng so với tốc độ tăng của doanh thu (22,02%) thì vẫn thấp hơn cho nên lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty có mức tăng là 46,72%. Công ty cần đưa ra những biện pháp để giảm giá vốn hàng bán nhằm hạn chế chi phí và tăng thêm lợi nhuận cho công ty.

● Chỉ tiêu lợi nhuận gộp trong năm 2015 so với 2014 tăng 2.478.162.289 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 46,72%. Lợi nhuận gộp trong năm 2015 tăng có thể giải thích do sự tăng trưởng trong giá vốn của các công trình hoàn thành và đã được nghiệm thu bàn giao đồng nghĩa với việc doanh thu tăng so với năm 2014, chính vì thế dẫn đến cả ba chỉ tiêu doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp trong năm đều tăng trưởng cao hơn so với năm 2014. Công ty nên tiếp tục phát huy trong tương lai.

● Doanh thu hoạt động tài chính năm 2015 so với năm 2014 tăng 453.669.249 đồng tương đương với tỷ lệ 747%. Một mức tăng cao, công ty nên tiếp tục phát huy trong tương lai.

● Chi phí tài chính của công ty tăng 249.145.210 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 55,08%. Năm 2015, công ty đã đi vay mục đích nhằm mở rộng hoạt động sản xuất xây dựng kinh doanh. Vì vậy, công ty cần phải đề ra các chính sách phù hợp để hạn chế chi phí vốn vay ngoài và sử dụng hiệu quả nhất các khoản vay trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

● Chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2015 so với năm 2014 giảm 314.649.954 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 21,58%. Đây được coi là một dấu hiệu tốt đối với công ty. Năm 2015, công ty đã tiến hành cơ cấu lại toàn

bộ máy nhân sự để nhằm đảm bảo cho bộ máy quản lý được gọn nhẹ, linh hoạt, đồng thời giảm bớt đi chi phí quản lý nhưng vẫn đạt được hiệu quả tốt.

● Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm 2015 so với năm 2014 có tỷ lệ tăng khá tốt 793.705.444 đồng tương đương với tỷ lệ 547%. Đây là do lợi nhuận thuần trong năm 2014 chỉ đạt 145.161.627 đồng trong khi đó lợi nhuận thuần năm 2015 đạt 938.867.071 đồng. Công ty cần phát huy trong tương lai.

● Thu nhập khác trong năm 2015 tăng so với năm 2014 là 5.304.902.495 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 11303%. Bên cạnh đó chi phí khác cũng tăng 25,61% dẫn đến lợi nhuận khác tăng 18104%.

● Chỉ tiêu lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2015 so với năm 2014 tăng 3494%

● Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 1.218.817.164 đồng, tương ứng tăng 3494%.

● Nhận thấy lợi nhuận sau thuế của công ty sau khi đã bù trừ mức độ ảnh hưởng của các chỉ tiêu trong năm 2015 so với năm 2014 tăng 4.875.268.656 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 3494%. Đây được coi là thành tích của công ty trong năm 2015 và cần được tiếp tục phát huy trong tương lai.

❖ Phân tích theo chiều dọc

Tiến hành phân tích BCKQHĐKD theo bảng dưới đây (bảng 3.2)

Bảng 3.2 : Phân tích BCKQHĐKD theo chiều dọc

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2014	
		Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng%
1	Doanh thu thuần	73.715.505.684	100	60.410.747.127	100
2	Giá vốn hàng bán	65.908.606.024	89,41	55.105.975.756	91,22
3	Lợi nhuận gộp	7.782.933.660	10,56	5.304.771.371	8,78
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.143.253.513	1,55	1.457.903.467	2,41
5	Chi phí hoạt động tài chính	701.455.028	0,95	452.309.818	0,7
6	Chi phí khác	22.179.315	0,03	17.657.196	0,03
7	Lợi nhuận trước thuế	6.268.525.563	8,5	174.439.743	0,3

➤ Thông qua số liệu phân tích ta nhận thấy:

- **Doanh thu:** Nhìn vào bảng số liệu ta nhận thấy rằng doanh thu năm 2015 của công ty đã tăng so với năm 2014. Cụ thể là doanh thu năm 2015 của công ty tăng 13.304.758.557 đồng so với 2014. Lý giải cho sự tăng trưởng này của công ty đó có thể là do năm 2015 Ban lãnh đạo đã đề ra được những chiến lược kinh doanh hợp lý. Nhờ vào tên tuổi uy tín lâu năm trong ngành, cũng như thái độ chuyên nghiệp, có trách nhiệm, đã giúp cho công ty thu hút được nhiều công trình từ cả trong thành phố lẫn các vùng lân cận. Để đạt được những thành tích đó bên cạnh đường lối chiến lược hợp lý của Ban lãnh đạo công ty, không thể không kể đến sự đóng góp của toàn bộ cán bộ nhân viên của công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng. Trong tương lai, công ty cần tiếp tục phát huy.

- **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán trong năm 2015 của công ty có xu hướng giảm 1,81% so với năm 2014. Nguyên nhân của sự giảm này là do đầu vào của nguồn nguyên vật liệu (cát, đá, xi măng, bê tông, sắt thép, xăng dầu, ...) đã giảm do sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trên thị trường. Công ty đã có những giải pháp nhằm hạn chế sự thất thoát nguyên vật liệu, người lao động cũng được nâng cao tay tránh gây lãng phí vật tư. Công ty cần tiếp tục phát huy trong thời gian tới.

- **Lợi nhuận gộp:** Trong năm 2015 tỷ trọng lợi nhuận gộp tăng 1,78% so với năm 2014. Đây chính là thành công của công ty trong việc tiết kiệm chi phí

từ nguyên vật liệu trực tiếp đến nhân công, giúp cho giá vốn các công trình giảm, từ đó lợi nhuận gộp tăng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, là một thành tích tốt trong năm 2015, công ty nên phát huy trong thời gian tới.

●Chi phí quản lý doanh nghiệp: Trong năm 2015, chỉ tiêu này giảm 0,86% so với năm 2014. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm, điều đó đã chứng tỏ công ty đã thành công trong việc đề ra các giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí.

●Chi phí hoạt động tài chính: Năm 2015, chi phí hoạt động tài chính của công ty tăng so với năm 2014 là 0,25% . Năm 2014, tỷ trọng của chỉ tiêu này chỉ có 0,7%. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm chi phí lãi vay. Trong năm 2015, chi phí lãi vay tăng nguyên nhân có thể là do công ty có thêm các khoản đi vay hoặc là lãi suất vay tăng. Đặc thù là công ty xây dựng nên việc phải có một nguồn tiền lớn để ứng trước cho công trình là điều không thể tránh khỏi. Tuy chi phí hoạt động tài chính tăng nhưng việc đi vay để hoàn thiện các công trình và chi trả các chi phí khác là cần thiết. Vì thế, công ty không nên hạn chế hoàn toàn mà nên đưa ra những chính sách tài chính phù hợp để giảm thiểu chi phí vốn vay ngoài và có biện pháp sử dụng hiệu quả hơn nữa khoản vốn vay này

●Chi phí khác: Trong năm 2015, ta nhận thấy chi phí khác của công ty chiếm tỷ trọng 0,03%; so với năm 2014 là không giảm nhưng cũng không tăng.

●Lợi nhuận trước thuế: Qua bảng trên ta thấy lợi nhuận trước thuế năm 2015 chiếm 8,5% so với doanh thu thuần tăng 8,2% so với năm 2014. Đây là kết quả đáng mừng cho những chính sách của công ty đưa ra.

Trong những năm tiếp theo, công ty nên tiếp tục phát huy những thế mạnh của mình đồng thời cũng tìm ra những giải pháp để khắc phục những yếu kém mà công ty mình còn tồn tại

❖*Phân tích tỷ số phản ánh khả năng sinh lời*

Để phân tích khả năng sinh lời của công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng ta cần có số liệu của vốn chủ sở hữu và ổng tài sản của công ty trong năm 2014 và 2015. Căn cứ theo bảng cân đối kế toán năm 2014 và 2015 thì:

Ngày tháng	Tổng Tài sản	Vốn chủ sở hữu
01/01/2014	30.781.671.990	2.389.117.940
31/12/2014	36.711.853.390	(1.513.261.530)
31/12/2015	46.673.899.606	4.474.008.322

Dựa vào số liệu trên và số liệu của bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty (biểu 2.7), các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời trong năm 2014 và 2015 của công ty được thể hiện như sau:

Bảng 3.3: Bảng phân tích các tỷ suất sinh lời

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2014	Chênh lệch +/-
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	8,5	0,3	+8,2
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân	%	15,03	0,57	+14,46
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH bình quân	%	42,3	39,83	+2,47

Qua bảng trên ta thấy:

➤ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu: Năm 2015 cứ 100 đồng doanh thu sẽ tạo ra 8,5 đồng lợi nhuận; tăng 8,2% so với năm 2014. Trong cả 2 năm tỷ số này của công ty đều là dương chứng tỏ công ty làm ăn có lãi và đạt hiệu quả. Nhất là trong năm 2015 công ty đạt kết quả lớn, sự chênh lệch giữa năm 2015 và 2014 đã chứng minh điều đó.

➤ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân: Trong năm 2015 cứ 100 đồng vốn sẽ tạo ra 15,03 đồng lợi nhuận, tỷ suất này tăng 14,46% so với năm 2014. Tỷ suất này trong 2 năm đều chứng tỏ công ty kinh doanh có lãi và năm 2015 đã tăng trưởng hơn 2014. Nguyên nhân có thể là do công ty đã sử dụng tài sản một cách hợp lý để tạo hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

➤ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân: Năm 2015 cứ 100 đồng vốn CSH bỏ ra sẽ tạo ra 42,3 đồng lợi nhuận, tỷ suất này tăng 2,47% so với năm 2014. Tỷ số này trong 2 năm tăng đều cho thấy công ty làm ăn có lãi, hiệu quả. Nguyên nhân có thể do công ty đã biết áp dụng những chính sách, kế hoạch sử dụng vốn một cách phù hợp và có hiệu quả hơn năm trước. Công ty nên tiếp tục phát huy trong thời gian tới.

3.3.3. Ý kiến thứ ba: Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán máy trong công tác hạch toán kế toán

Hiện nay tại công ty vẫn áp dụng phần mềm Excel, Word vào các nghiệp vụ kinh tế hàng ngày. Cách làm thủ công này bên cạnh việc làm lãng phí thời gian còn dễ dẫn đến những sai phạm không đáng có, gây khó khăn cho công tác quản lý một khối lượng công việc kế toán rất nhiều. Chính vì thế, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán cho các hoạt động nhập số liệu, quản lý cũng như tính toán của phòng kế toán, sẽ giúp tăng năng suất làm việc cũng như tiết kiệm thời gian hơn rất nhiều.

Trên thị trường, hiện có rất nhiều các phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp. Do đặc thù công ty là công ty xây dựng nên em đã tìm hiểu về một số phần mềm dành cho đơn vị xây dựng– xây lắp mà công ty có thể sử dụng được. Ví dụ như AMIS, MISA, FAST, CNS, Smart, ABS, CicAccount...

❖ Phần mềm quản trị doanh nghiệp hợp nhất AMIS.VN

✓ AMIS (All in one Management Information System) một sản phẩm của MISA.JSC

✓ Phần mềm AMIS.VN giúp doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ quản trị như: kế toán, bán hàng, nhân sự, quản trị sản xuất, công việc, truyền thông, sáng kiến, kê khai thuế, lưu trữ, xây dựng Website,...

✓ AMIS.VN cho phép người sử dụng có thể dùng mọi lúc, mọi nơi, trên mọi thiết bị (máy tính, laptop, điện thoại,...) qua đường truyền Internet.

✓ AMIS.VN đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán mà doanh nghiệp cần như: quỹ, ngân hàng, mua và bán hàng, kho, thuế, Giá thành, TSCĐ, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp ...Cung cấp đầy đủ các mẫu báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo các thông tư mới nhất của Nhà nước ban hành. AMIS.VN còn giúp doanh nghiệp lập tờ khai thuế, kê khai thuế qua mạng trực tiếp từ phần mềm thông qua dịch vụ MTAX.VN



Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán AMIS.VN

✓ AMIS.VN đáp ứng hoàn toàn việc tập hợp chi phí cũng như tính giá thành cho các doanh nghiệp xây dựng công trình. Bên cạnh đó cũng cho phép theo dõi chi phí thầu phụ, chi phí phát sinh khi công ty thuê ngoài thi công một phần của công trình.

✓ Phần mềm AMIS.VN không chỉ cho phép quản lý nguyên vật liệu xuất thẳng cho công trình, mà còn cho phép tính giá xuất kho vật tư, hàng hóa theo nhiều phương pháp.

✓ AMIS.VN còn hỗ trợ cho việc quản lý công nợ của doanh nghiệp xây dựng theo tiến độ thanh toán, theo công trình, dự án,...

✓ AMIS.VN đưa ra cho khách hàng nhiều gói cước với nhiều sự lựa chọn phù hợp với kinh tế cũng như nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp:

- Khởi tạo phần mềm cho lần đầu doanh nghiệp sử dụng: 2.950.000 VNĐ

- Gói Starter : Dành cho doanh nghiệp mới thành lập trong năm căn cứ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh với dung lượng tối đa là 0,2GB/năm – Miễn phí

- Gói Standard: Dành cho doanh nghiệp có số lượng chứng từ phát sinh dưới 200 chứng từ/tháng hoặc qui mô nhân sự dưới 50 người với dung lượng tối đa là 1GB/năm – 3.600.000 VNĐ/năm

- Gói Professional: Dành cho doanh nghiệp có số lượng chứng từ phát sinh từ 200 đến 500 chứng từ/tháng hoặc qui mô nhân sự khoảng 100 người với dung lượng tối đa là 2GB/năm – 4.800.000 VNĐ/năm

- Gói Business: Dành cho doanh nghiệp có số chứng từ phát sinh từ 500 đến 1500 chứng từ/tháng hoặc qui mô nhân sự khoảng 200 người với dung lượng tối đa là 3GB/năm – 6.000.000 VNĐ/năm

- Gói Enterprise: Dành cho doanh nghiệp có số lượng chứng từ phát sinh trên 1500 chứng từ/tháng hoặc qui mô nhân sự khoảng 300 đến 500 người với dung lượng tối đa là 6GB/năm – 9.600.000 VNĐ/năm

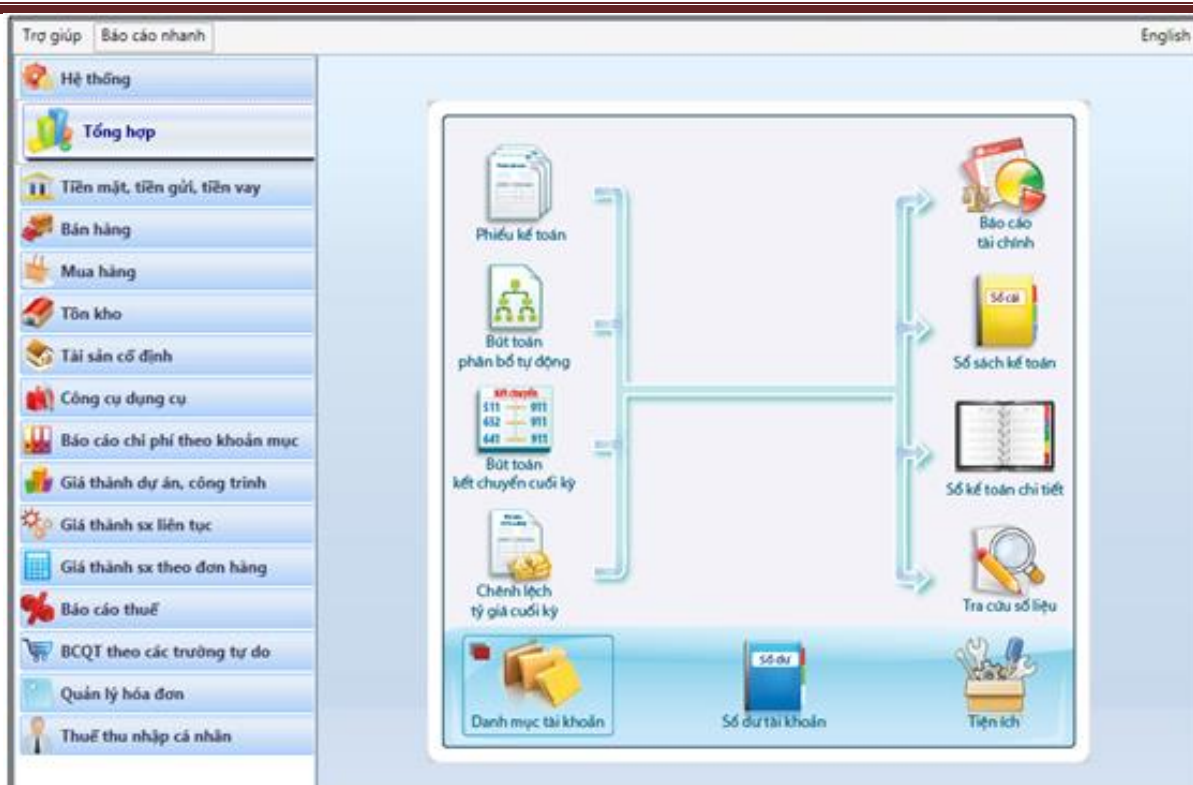
➤ Hạn chế của AMIS.VN đó là phần mềm sử dụng mạng Internet là chủ yếu, nên phụ thuộc nhiều vào tốc độ đường truyền. Bên cạnh đó các gói cước của AMIS.VN vẫn còn bị giới hạn về dung lượng sử dụng và chưa thực sự linh hoạt cho các doanh nghiệp.

❖ *Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING*

✓ Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

✓ Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997. Hiện nay có hơn 13.000 khách hàng và đã đạt được nhiều giải thưởng danh giá như Sao Khuê, BIT CUP, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

✓ Phần mềm Fast Accounting được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server nên có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Fast Accounting có thể chạy đồng thời dưới dạng website thông qua các trình duyệt như Mozilla Firefox, Chrome,... giúp cho người sử dụng không cần cài đặt phần mềm, chỉ cần truy cập vào trang web, gõ tên và mật khẩu là đã có thể làm việc được. Điều này giúp rất nhiều cho doanh nghiệp khi có phải làm việc từ xa, di chuyển liên tục.



Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting

Fast Accounting gồm có 16 phân hệ:

- ✦ Phân hệ quản trị hệ thống
- ✦ Phân hệ kế toán tổng hợp
- ✦ Phân hệ kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
- ✦ Phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu
- ✦ Phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả
- ✦ Phân hệ kế toán công cụ dụng cụ
- ✦ Phân hệ báo cáo chi phí theo khoản mục
- ✦ Phân hệ kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp
- ✦ Phân hệ kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
- ✦ Phân hệ kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng
- ✦ Phân hệ báo cáo thuế
- ✦ Phân hệ báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa
- ✦ Phân hệ quản lý hóa đơn
- ✦ Quản lý thuế TNC

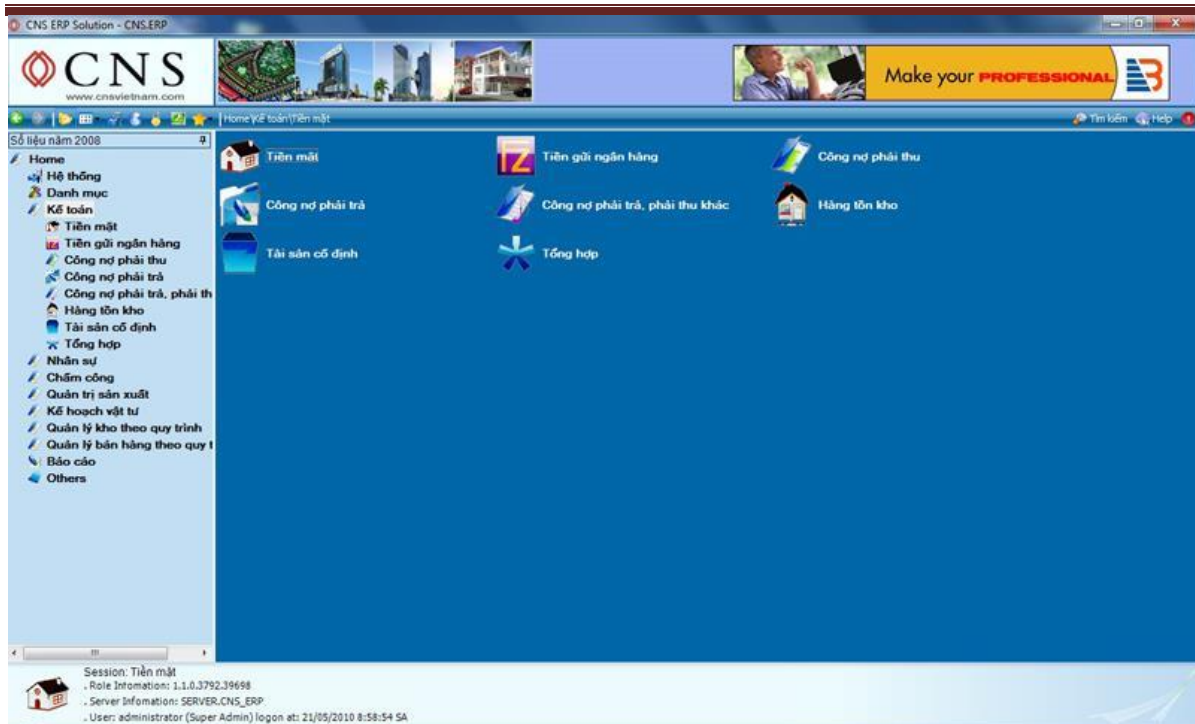
✓Fast Accounting đưa ra 4 gói cước dịch vụ cho từng ngành nghề, trong đó ngành xây lắp với 14 phân hệ có giá phần mềm là 9.900.000đ, chưa bao gồm giá dịch vụ đào tạo tư vấn là 2.950.000đ

❖*Phần mềm kế toán máy CNS Accounting for Construction*

✓Phần mềm kế toán xây dựng CNS Accounting for Construction cung cấp đầy đủ tính năng cũng như các tiện ích hỗ trợ kế toán ngành xây dựng, xây lắp với các báo cáo liên quan đến doanh thu, chi phí, công nợ đáp ứng được hầu hết các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến công trình, hạng mục thi công và giá thành xây dựng, áp dụng đầy đủ theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC, Quyết định 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính.

✓Dưới đây là một số báo cáo trên phần mềm CNS:

- Bảng kê xuất vật tư theo sản phẩm
- Bảng tổng hợp chi phí cho từng công trình.
- Sổ chi tiết cho từng công trình
- Báo cáo, bảng kê thu chi theo từng công trình
- Bảng đối chiếu vật tư với dự toán.
- Sổ chi phí giá thành (tính chi phí giá thành trong khoảng thời gian bất kỳ).
- Thẻ giá thành công trình, hạng mục công trình xây lắp
- Bảng tính giá thành lãi lỗ theo từng công trình
- Theo dõi tạm ứng theo từng công trình (chi tiết một công trình nhiều đối tượng, một đối tượng nhiều công trình).
- Theo dõi lãi vay của từng đối tượng qua TK141
- Theo dõi chi tiết xuất vật tư theo công trình
- Tính giá thành theo từng hạng mục
- Biên bản đối chiếu công nợ theo từng công trình.
- Bảng cân đối phát sinh công nợ theo (công trình- đối tượng)
- Báo cáo công nợ liên năm, giá thành liên năm



Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán CNS

✓ CNS đưa ra bảng giá cũng tương tự các gói cước của phần mềm AMIS.VN trong đó phần mềm kế toán xây dựng bao gồm:

- Gói Free : Miễn phí
- Gói Standard: 7.500.000đ/bộ (Không giới hạn)
- Gói Professional: 9.900.000đ/bộ (Không giới hạn)
- Gói Enterprise: Liên hệ

* Dựa trên đặc thù củangành nghềkinh doanh cũng như nhu cầu của công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng, em xin được gợi ý công ty nên sử dụng phần mềm AMIS với những lý do.

- Có nhiều phân hệ kế toán, có nhiều chức năng, mẫu sổ sách kế toán đa dạng và liên tục cập nhật theo các chính sách mới nhất.
- Tốc độ xử lý nhanh, cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.
- Giao diện đẹp, dễ sử dụng giúp cán bộ kế toán không gặp nhiều khó khăn khi sử dụng.
- Giá thành hợp lí, phù hợp với điều kiện của công ty

KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận “*Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng*” đã giải quyết và làm rõ một số vấn đề sau:

✓ Về mặt lý luận:

- Hệ thống hóa được những vấn đề lý luận chung về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT- BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

➤ Về mặt thực tiễn:

- Đề tài đã phản ánh được thực tế công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

- Đề tài đã đánh giá được ưu điểm, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung; công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

- Đề tài đã đề xuất một số kiến đề hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.

Do thời gian và kiến thức còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý giúp đỡ của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của **Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương**, các thầy cô khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, cũng như Ban lãnh đạo và các cán bộ kế toán phòng Tài chính-kế toán của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phạm Thị Hoài Thương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS.Võ Văn Nhị (2011) - Báo Cáo Tài Chính Và Báo Cáo Kế Toán Quản Trị , Áp Dụng Cho Doanh Nghiệp Việt Nam - Nxb Giao thông vận tải
2. Bộ Tài chính (2003), Chuẩn mực kế toán số 21- Trình bày Báo cáo tài chính, theo quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ tài chính
3. Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
4. Đọc, lập và phân tích Báo cáo tài chính doanh nghiệp-Nhà xuất bản thống kê-PGS TS Nguyễn Thế Chi và TS Vũ Công Tý.
5. Tài liệu tham khảo tại Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng.